

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001:2015

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN KIỂM TOÁN

Sinh viên : Nguyễn Thị Quỳnh Hoa
Giảng viên hướng dẫn: Th.S Nguyễn Thị Mai Linh

HẢI PHÒNG - 2019

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU
TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG THỦY LỢI
HẢI PHÒNG**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Nguyễn Thị Quỳnh Hoa
Giảng viên hướng dẫn: Th.S Nguyễn Thị Mai Linh**

HẢI PHÒNG - 2019

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Nguyễn Thị Quỳnh Hoa

Mã SV: 1512401041

Lớp: QT1901K

Ngành: Kế toán kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty
Cổ phần xây dựng Thủy lợi Hải Phòng.

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp.

Gồm 3 phần:

- Khái quát hóa cơ sở lý luận chung về công tác kế toán nguyên vật liệu tại các doanh nghiệp.

- Mô tả thực trạng công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty Cổ phần xây dựng Thủy lợi Hải Phòng.

- Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty Cổ phần xây dựng Thủy Lợi Hải Phòng.

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

Sử dụng số liệu năm 2018.

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

Công ty Cổ phần xây dựng Thủy lợi Hải Phòng.

Địa chỉ: Km 57, QL 10, Trường Sơn, An Lão, Hải Phòng.

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Nguyễn Thị Mai Linh

Học hàm, học vị: Thạc Sĩ

Cơ quan công tác: Trường Đại học Dân Lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty Cổ phần xây dựng thủy lợi Hải Phòng.

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:

Chức vụ:

Cơ quan công tác:

Nội dung hướng dẫn:

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày tháng năm 2019

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày tháng năm 2019

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Nguyễn Thị Quỳnh Hoa

Th.S Nguyễn Thị Mai Linh

Hải Phòng, ngày tháng năm 2019

Hiệu trưởng

GS.TS.NGŨT Trần Hữu Nghị

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU NHẬN XÉT CỦA GIÁNG VIÊN HƯỚNG DẪN TỐT NGHIỆP

Họ và tên giảng viên: Nguyễn Thị Mai Linh

Đơn vị công tác: Khoa Quản trị kinh doanh

Họ và tên sinh viên: Nguyễn Thị Quỳnh Hoa Chuyên ngành: Kế toán - Kiểm toán

Đề tài tốt nghiệp: Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi Hải Phòng.

Nội dung hướng dẫn: Khái quát hóa những vấn đề lý luận cơ bản về tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp; Mô tả thực trạng công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty Cổ phần xây dựng Thủy lợi Hải Phòng; Đánh giá những ưu, nhược điểm của công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty, trên cơ sở đó đưa ra những biện pháp hoàn thiện.

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp

- Chăm chỉ học hỏi, chịu khó sưu tầm số liệu, tài liệu phục vụ cho bài viết.
- Nghiêm túc, có ý thức tốt trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp.
- Luôn thực hiện tốt mọi yêu cầu được giáo viên hướng dẫn giao.
- Đảm bảo đúng tiến độ của đề tài theo thời gian đã quy định.

2. Đánh giá chất lượng của đồ án/khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...)

Kết cấu của khóa luận được tác giả sắp xếp tương đối hợp lý, khoa học bao gồm 3 chương:

Chương 1, tác giả đã hệ thống hóa được những vấn đề lý luận cơ bản về công tác kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp.

Chương 2, sau khi giới thiệu khái quát về công ty, tác giả đã mô tả và phân tích thực trạng công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty Cổ phần xây dựng Thủy lợi Hải Phòng, có số liệu minh họa cụ thể (năm 2018). Số liệu minh họa từ chứng từ vào các sổ sách kế toán logic và hợp lý.

Chương 3, tác giả đã đánh giá được những ưu, nhược điểm của công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty Cổ phần xây dựng Thủy lợi Hải Phòng, trên cơ sở đó tác giả đã đưa ra được một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty. Các giải pháp đưa ra có tính khả thi và tương đối phù hợp với tình hình thực tế tại công ty.

3. Ý kiến của giảng viên hướng dẫn tốt nghiệp

Được bảo vệ

Không được bảo vệ

Điểm hướng dẫn

Hải Phòng, ngày 28 tháng 09 năm 2019

Giảng viên hướng dẫn

Nguyễn Thị Mai Linh

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG I: CƠ SỞ LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TRONG DOANH NGHIỆP.....	3
1.1. Những vấn đề chung về công tác kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp.....	3
1.1.1. Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp.....	3
1.1.2. Khái niệm và đặc điểm của nguyên vật liệu	4
1.1.3. Phân loại nguyên vật liệu:.....	4
1.1.4. Tính giá nguyên vật liệu.....	6
1.1.4.1. Giá thực tế nhập kho:	6
1.1.4.2. Giá thực tế xuất kho.	7
1.2. Tổ chức kế toán chi tiết nguyên vật liệu.	10
1.2.1. Phương pháp ghi thẻ song song.	10
1.2.2. Phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển.....	12
1.2.3. Phương pháp sổ số dư.	14
1.3. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu trong doanh nghiệp.	16
1.3.1. Phương pháp kê khai thường xuyên.....	16
1.3.1.1. Chứng từ sử dụng	16
1.3.1.2. Tài khoản kế toán sử dụng.	16
1.3.1.3. Phương pháp hạch toán.	18
1.3.2. Phương pháp kiểm kê định kỳ.....	20
1.3.2.1. Chứng từ sử dụng	20
1.3.2.2. Tài khoản sử dụng	20
1.3.2.3. Phương pháp hạch toán.	22
1.4. Tổ chức vận dụng hệ thống sổ sách kế toán vào công tác kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp.....	23
1.4.1. Hình thức kế toán Nhật ký chung	23
1.4.3. Hình thức kế toán Chứng từ - ghi sổ.....	25
1.4.4. Hình thức kế toán Nhật ký - Chứng từ.....	26
1.4.5. Hình thức kế toán máy.	28
CHƯƠNG II: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG THỦY LỢI HẢI PHÒNG.....	29

2.1. Giới thiệu chung về Công ty Cổ phần xây dựng Thủy lợi Hải Phòng.....	29
2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty.	29
2.1.2. Đặc điểm tình hình sản xuất.....	30
2.1.3. Cơ cấu tổ chức của công ty và cơ cấu tổ chức kế toán của công ty.....	32
2.1.3.1. Cơ cấu tổ chức của công ty	32
2.1.4. Cơ cấu tổ chức bộ máy kế toán của công ty	34
2.1.5. Hình thức kế toán tại công ty Cổ phần xây dựng Thủy lợi Hải Phòng.....	36
2.2. Thực trạng công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty	38
2.2.1. Đặc điểm công tác kế toán nguyên vật liệu	38
2.2.1.1. Các loại nguyên vật liệu.....	38
2.2.1.2. Phân loại nguyên vật liệu.	38
2.2.1.3. Phương pháp tính giá.	39
2.2.2. Quy trình kế toán chi tiết nguyên vật liệu tại công ty	40
2.2.3. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu	41
2.2.3.1. Chứng từ sử dụng	41
2.2.3.2. Tài khoản sử dụng	41
2.2.3.3. Quy trình hạch toán.....	42
2.2.3.4. Ví dụ minh họa:.....	43
CHƯƠNG 3: MỘT SỐ Ý KIẾN ĐỀ XUẤT NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG THỦY LỢI HẢI PHÒNG.	60
3.1. Nhận xét về công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty cổ phần xây dựng Thủy lợi Hải Phòng.	60
3.1.1. Ưu điểm.....	61
3.1.2. Hạn chế.....	62
3.2. Một số ý kiến đề xuất nhằm góp phần hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu ở công ty cổ phần xây dựng Thủy lợi Hải Phòng.	62
3.2.1. Hoàn thiện việc lập sổ danh điểm nguyên vật liệu	63
3.2.2. Công ty nên phát huy khả năng vận dụng các phương tiện kỹ thuật hiện đại vào công tác kế toán.	67
3.2.3. Hoàn thiện về việc trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.	67
KẾT LUẬN	71

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1.1: Kế toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp thẻ song song....	11
Sơ đồ 1.2: Kế toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp.....	13
Sơ đồ 1.3: Kế toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp sổ số dư.....	15
Sơ đồ 1.4: Hạch toán tổng hợp các trường hợp tăng giảm nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên.....	19
Sơ đồ 1.5: Hạch toán tổng hợp các trường hợp tăng giảm nguyên vật liệu theo phương pháp kiểm kê định kỳ.....	22
ơ đồ 1.6: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức nhật ký chung.....	24
Sơ đồ 1.7: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký - sổ cái.....	25
Sơ đồ 1.8: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Chứng từ ghi sổ.....	26
Sơ đồ 1.9: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký - chứng từ.....	27
Sơ đồ 1.10: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán máy.....	28
Sơ đồ 2.1 : Tổ chức bộ máy quản lý của công ty Cổ phần xây dựng Thủy lợi Hải Phòng.....	32
Sơ đồ 2.2 : Cơ cấu tổ chức bộ máy kế toán tại công ty Cổ phần xây dựng Thủy lợi Hải Phòng.....	34
Sơ đồ 2.3: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức nhật ký chung tại công ty cổ phần xây dựng Thủy lợi Hải Phòng.....	37
Sơ đồ 2.4: Kế toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp thẻ song song....	42

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Biểu 2.1: Hóa đơn GTGT	45
Biểu 2.2: Phiếu nhập kho	46
Biểu 2.3: Hóa đơn GTGT	47
Biểu 2.4: Phiếu nhập kho	48
Biểu 2.5: Phiếu xin lĩnh vật tư.....	49
Biểu 2.6: Phiếu xuất kho	50
Biểu 2.7: Phiếu xin lĩnh vật tư.....	51
Biểu 2.8: Phiếu xuất kho	52
Biểu 2.9: Sổ chi tiết nguyên vật liệu	53
Biểu 2.10: Thẻ kho	54
Biểu 2.11: Sổ chi tiết nguyên vật liệu	55
Biểu 2.12: Thẻ kho	56
Biểu 2.13: Bảng tổng hợp nhập-xuất-tồn.....	57
Biểu 2.14: Trích sổ Nhật ký chung	58
Biểu 2.15: Trích sổ cái TK 152.....	58
Biểu 3.1: Sổ danh điểm vật tư.....	66
Biểu số 3.2: Bảng kê chi tiết dự phòng giảm giá hàng tồn kho tại Công ty.	70

LỜI MỞ ĐẦU

Trải qua gần 20 năm đổi mới, đất nước Việt Nam đã có những bước chuyển mình khởi sắc. Đặc biệt, trong giai đoạn CNH-HĐH rất cần các công trình đường xá, cầu lớn, tòa nhà hiện đại, nhà ở, công trình thủy lợi,... tạo cơ sở hạ tầng vững chắc cho việc phát triển kinh tế, nâng cao đời sống nhân dân. Khi xây dựng một cây cầu hay một ngôi nhà, một con đường hoặc xây lắp công trình cấp thoát nước thì yêu cầu về kỹ thuật, kinh tế luôn được đặt ra đối với các doanh nghiệp xây dựng.

Công ty Cổ phần xây dựng Thủy lợi Hải Phòng là một trong những doanh nghiệp thành công trong ngành xây dựng nói riêng của Việt Nam nói chung đã nhận thấy rằng: Chi phí nguyên vật liệu trong giá thành sản phẩm chiếm một tỷ trọng đáng kể, chỉ cần một biến động nhỏ về chi phí nguyên vật liệu cũng ảnh hưởng tới giá thành, ảnh hưởng tới lợi nhuận của công ty.

Một trong những biện pháp bền vững là phải sử dụng hợp lý và tiết kiệm chi phí nguyên vật liệu khi đưa vào sản xuất kinh doanh. Tổ chức kế toán nguyên vật liệu sẽ giúp cho các nhà quản lý kịp thời cho sản xuất. Làm tốt công tác kế toán nguyên vật liệu sẽ giúp doanh nghiệp vươn lên hơn nữa trên thương trường và ngày càng khẳng định mình không chỉ trong nước mà cả trên thế giới.

Thấy rõ vị trí và tầm quan trọng của công tác kế toán nguyên vật liệu, nên qua thời gian thực tập tại Công ty Cổ phần xây dựng Thủy lợi Hải Phòng, được sự giúp đỡ hướng dẫn của các cán bộ phòng kế toán và đặc biệt là sự giúp đỡ của Giảng viên Thạc sĩ Nguyễn Thị Mai Linh em đã hoàn thành khóa luận tốt nghiệp với đề tài: "Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty Cổ phần xây dựng Thủy lợi Hải Phòng".

Nội dung của luận văn ngoài lời mở đầu và kết luận gồm 3 phần.

Chương I: Cơ sở lý luận chung về công tác kế toán nguyên vật liệu tại các doanh nghiệp.

Chương II: Thực trạng công tác kế toán nguyên vật liệu tại Cty Cổ phần xây dựng Thủy lợi Hải Phòng.

Chương III: Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Cty Cổ phần xây dựng Thủy lợi Hải Phòng.

Do thời gian thực tập có hạn và trình độ còn hạn chế mà việc áp dụng lý thuyết vào thực tiễn là cả một quá trình lâu dài nên luận văn này không thể tránh khỏi những thiếu sót nhất định. Vì vậy e mong nhận được sự nhận xét, cho ý kiến của các thầy cô giáo và các cán bộ phòng kế toán cùng toàn thể các bạn sinh viên để bài luận văn được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn !

CHƯƠNG I:

CƠ SỞ LÝ LUẬN CHUNG

VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TRONG DOANH NGHIỆP

1.1. Những vấn đề chung về công tác kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp.

1.1.1. Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp.

Nguyên vật liệu có vị trí hết sức quan trọng trong các doanh nghiệp xây dựng, chi phí về nguyên vật liệu thường chiếm tỷ trọng lớn trong tổng giá trị công trình. Tùy theo mỗi công trình với yêu cầu kỹ thuật kết cấu, địa điểm khác nhau đòi hỏi số lượng, chủng loại, quy cách nguyên vật liệu khác nhau. Điều này được xác định cụ thể trên từng thiết kế, dự toán của từng đối tượng thi công xây lắp riêng biệt. Do xây dựng là một loại sản phẩm công nghiệp đặc biệt theo đơn hàng, sản xuất xây dựng mang tính chất riêng biệt nên chi phí nguyên vật liệu để thi công công trình có nội dung và cơ cấu đồng bộ như các sản phẩm công nghiệp. Mặt khác, đối tượng sản xuất xây dựng cơ bản thường có khối lượng lớn, giá trị cao, thời gian thi công thường kéo dài nên cần phải lập dự toán vật liệu một cách kỹ càng tránh các trường hợp nguyên vật liệu có thể bị biến động vì thời gian thi công dài. Đồng thời phải tổ chức tốt kho tàng, bến bãi, thực hiện chế độ bảo quản đối với từng loại nguyên vật liệu vì sản xuất xây dựng cơ bản thường xuyên diễn ra ngoài trời và chịu tác động trực tiếp của các yếu tố môi trường, thời tiết. Do vậy thi công xây dựng mang tính thời vụ. Các yếu tố môi trường thời tiết ảnh hưởng đến kỹ thuật thi công, đến nguyên vật liệu để ở công trường. Việc thi công diễn ra ngoài trời còn tạo nhiều nhân tố gây ra những khoản thiệt hại bất ngờ như phá đi làm lại. Thiệt hại về nguyên vật liệu ảnh hưởng lớn đến chất lượng công trình.

Kế toán phải có kế hoạch bảo quản nguyên vật liệu, chọn những phương pháp hợp lý để xác định những chi phí của công trình xây dựng và những khoản thiệt hại một cách đúng đắn.

Một đặc điểm nữa của ngành sản xuất xây dựng là thực hiện ở nhiều địa điểm khác nhau, việc thi công xây lắp phải thường xuyên di chuyển địa điểm. Do vậy phải tổ chức tốt khâu quản lý và sử dụng nguyên vật liệu (đặc biệt là nguyên vật liệu để tại chân công trình). Khi chuyển nguyên vật liệu tới công trình thường phát sinh chi phí vận chuyển, kế toán phải phản ánh chính xác các nghiệp vụ phát sinh và tổ chức phân bổ hợp lý.

Từ những đặc điểm của sản phẩm xây dựng trong các đơn vị xây dựng mà công tác kế toán ở các đơn vị này vừa phải đảm bảo yêu cầu phản ánh chung của một đơn vị sản xuất vừa phải thực hiện đúng chức năng kế toán phù hợp với ngành nghề.

1.1.2. Khái niệm và đặc điểm của nguyên vật liệu .

Trong các doanh nghiệp xây dựng, nguyên vật liệu là những đối tượng lao động do doanh nghiệp mua ngoài hoặc tự sản xuất hoặc nhận từ bên giao thầu công trình (bên A) để dùng cho mục đích sản xuất kinh doanh xây dựng và các hoạt động khác của doanh nghiệp.

Phần lớn nguyên vật liệu trong hoạt động xây dựng vẫn mang đặc điểm chung của nguyên vật liệu như trong các ngành sản xuất khác là khi tham gia vào quá trình sản xuất sản phẩm xây dựng, nguyên vật liệu bị tiêu hao toàn bộ, không giữ nguyên hình thái vật chất ban đầu và chuyển toàn bộ giá trị vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ. Tuy nhiên, do đặc điểm của hoạt động xây dựng nên có một bộ phận vật liệu (vật liệu luân chuyển) không mang những đặc điểm trên. Vật liệu luân chuyển có thể tham gia vào một số kỳ kinh doanh hoặc một số công trình giữ nguyên hình thái vật chất ban đầu, giá trị của nó có thể được chuyển vào chi phí kinh doanh của một hoặc một số kỳ kinh doanh.

1.1.3. Phân loại nguyên vật liệu:

Trong các doanh nghiệp xây dựng, nguyên vật liệu bao gồm nhiều loại, nhiều thứ, với nội dung kinh tế, công dụng, tính năng lý hóa và yêu cầu quản lý khác nhau. Vì vậy, để quản lý chặt chẽ từng loại, thứ nguyên vật liệu phục vụ cho công tác quản trị doanh nghiệp cần thiết phải tiến hành phân loại nguyên vật liệu.

Nhìn chung, trong các doanh nghiệp xây dựng, căn cứ vào vai trò và yêu cầu quản lý, nguyên vật liệu được chia thành các loại sau:

- Nguyên liệu vật liệu chính: Là những loại nguyên liệu, vật liệu khi tham gia vào quá trình sản xuất nó cấu thành thực thể vật chất của sản phẩm như:

gạch, cát, đá, sỏi, xi măng,... trong nguyên vật liệu chính bao gồm cả bán thành phẩm mua ngoài. Đó là các chi tiết, bộ phận của sản phẩm mà doanh nghiệp mua của các đơn vị khác để tiếp tục sản xuất thành sản phẩm hàng hóa của doanh nghiệp.

- Vật liệu phụ: Là những loại vật liệu khi tham gia vào quá trình sản xuất không cấu thành thực thể chính của sản phẩm, mà nó có thể kết hợp với nguyên vật liệu, vật liệu chính làm thay đổi màu sắc, mùi vị, hình dáng bề ngoài của sản phẩm hoặc tạo điều kiện cho quá trình tạo sản phẩm được thực hiện bình thường.

- Nhiên liệu: Cũng là vật liệu phụ do có tính chất lí hóa đặc biệt và có vai trò quan trọng trong sản xuất kinh doanh nên được xếp thành một loại riêng biệt để có chế độ bảo quản, sử dụng thích hợp. Nhiên liệu là loại vật liệu có tác dụng cung cấp nhiệt năng cho quá trình sản xuất kinh doanh. Nhiên liệu bao gồm các loại thể lỏng, khí, rắn như: xăng, dầu, than, củi, hơi đốt để phục vụ cho công nghệ sản xuất sản phẩm cho các phương tiện, máy móc thiết bị hoạt động.

- Phụ tùng thay thế: Là các chi tiết, bộ phận dùng để thay thế, sửa chữa máy móc, thiết bị sản xuất, phương tiện vận tải...

- Vật liệu thiết bị xây dựng cơ bản: Là những loại vật liệu và thiết bị được sử dụng cho công việc xây dựng cơ bản bao gồm cả thiết bị cần lắp, công cụ và vật kết cấu dùng để lắp đặt các công trình xây dựng cơ bản.

- Phế liệu: Là các loại vật liệu thu hồi trong quá trình sản xuất sản phẩm như gỗ, thép, sắt vụn hoặc phế liệu thu hồi trong quá trình thanh lí tài sản cố định.

Việc phân chia nguyên vật liệu thành các loại như trên giúp cho kế toán tổ chức các tài khoản tổng hợp, chi tiết để phản ánh tình hình thực hiện và sự biến động của các loại nguyên liệu trong đó quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, giúp cho doanh nghiệp nhận biết rõ nội dung kinh tế và có vai trò, chức năng của từng loại vật liệu trong quá trình sản xuất kinh doanh, từ đó có biện pháp thích hợp trong việc tổ chức quản lí và sử dụng có hiệu quả các loại vật liệu.

* Căn cứ vào mục đích, công dụng của vật liệu cũng như nội dung quy định phản ánh chi phí nguyên vật liệu trên các tài khoản kế toán, vật liệu của doanh nghiệp được chia thành:

- nguyên vật liệu trực tiếp dùng cho sản xuất, chế tạo sản phẩm.

- nguyên vật liệu trực tiếp dùng cho các nhu cầu khác: phục vụ quản lý ở các phân xưởng sản xuất, đội sản xuất, phục vụ bán hàng, quản lý doanh nghiệp...

* Căn cứ vào nguồn nhập vật liệu, vật liệu của doanh nghiệp được chia thành:

- nguyên vật liệu mua ngoài
- nguyên vật liệu tự gia công chế biến
- nguyên vật liệu thuê ngoài gia công chế biến
- nguyên vật liệu nhận góp vốn kinh doanh...

Tuy nhiên, để đảm bảo nhu cầu nguyên vật liệu cho quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp tiến hành được thường xuyên, liên tục không bị gián đoạn và quản lý nguyên vật liệu một cách chặt chẽ cần phải nhận biết một cách cụ thể về số hiện có và tình hình biến động của từng thứ vật liệu được sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Bởi vậy, các loại vật liệu cần phải được phân chia một cách chi tiết, tỉ mỉ hơn theo tính năng lý hóa, theo quy định cách phẩm chất của vật liệu. Việc phân chia vật liệu một cách tỉ mỉ trong các doanh nghiệp được thực hiện trên cơ sở xây dựng và lập sổ điểm danh vật liệu, trong đó vật liệu được chia thành nhóm, loại, thứ và mỗi loại nhóm thứ được sử dụng một kí hiệu riêng được gọi là sổ điểm danh vật liệu và được sử dụng thống nhất trong phạm vi doanh nghiệp phối hợp chặt chẽ trong công tác quản lý vật liệu. Mỗi loại vật liệu sử dụng thuộc một số trang trong sổ điểm danh vật liệu để ghi đủ các nhóm thứ vật liệu thuộc loại vật liệu đó.

Đánh giá nguyên vật liệu là xác định giá trị của nguyên vật liệu theo những nguyên tắc nhất định. Về nguyên tắc kế toán nhập xuất tồn kho nguyên vật liệu phải phản ánh theo giá trị thực tế.

1.1.4. Tính giá nguyên vật liệu

1.1.4.1. Giá thực tế nhập kho:

Tùy theo từng nguồn nhập mà cấu thành giá thực tế của nguyên vật liệu có sự khác nhau, cụ thể:

- Đối với nguyên vật liệu mua ngoài: Có 2 trường hợp:

TH1: Nếu nguyên vật liệu mua ngoài để dùng vào hoạt động sản xuất kinh doanh thuộc đối tượng nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ:

$$\begin{array}{l} \text{Trị giá} \\ \text{thực tế của} \\ \text{NVL nhập} \\ \text{kho trong} \\ \text{kì} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Trị giá mua trên} \\ \text{hóa đơn (không} \\ \text{bao gồm thuế} \\ \text{giá trị gia tăng)} \\ + \end{array} \begin{array}{l} \text{Thuế nhập} \\ \text{khẩu (nếu} \\ \text{có)} \\ + \end{array} \begin{array}{l} \text{Chi phí} \\ \text{trực tiếp} \\ \text{phát sinh} \\ \text{trong} \\ \text{khâu} \\ \text{mua} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Các} \\ \text{khoản} \\ \text{giảm giá} \\ \text{và trị giá} \\ \text{hàng} \\ \text{mua trả} \\ \text{lại} \end{array}$$

TH2: Nếu nguyên vật liệu mua để dùng vào hoạt động sản xuất kinh doanh không thuộc đối tượng nộp thuế GTGT hoặc nộp thuế theo phương pháp trực tiếp:

$$\begin{array}{l} \text{Trị giá} \\ \text{thực tế của} \\ \text{NVL nhập} \\ \text{kho trong} \\ \text{kì} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Trị giá mua trên} \\ \text{hóa đơn (gồm} \\ \text{thuế giá trị gia} \\ \text{tăng)} \\ + \end{array} \begin{array}{l} \text{Thuế nhập} \\ \text{khẩu và} \\ \text{thuế giá trị} \\ \text{gia tăng} \\ \text{của hàng} \\ \text{nhập khẩu} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí} \\ \text{trực tiếp} \\ \text{phát sinh} \\ \text{trong} \\ \text{khâu} \\ \text{mua} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Các} \\ \text{khoản} \\ \text{giảm giá} \\ \text{và trị giá} \\ \text{hàng} \\ \text{mua trả} \\ \text{lại} \end{array}$$

- Đối với nguyên vật liệu mua ngoài gia công chế biến:

$$\begin{array}{l} \text{Trị giá thực tế của} \\ \text{NVL gia công} \\ \text{nhập kho trong kì} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Trị giá thực tế của NVL} \\ \text{xuất gia công chế biến} \\ + \end{array} \begin{array}{l} \text{Chi phí chế} \\ \text{biến} \end{array}$$

- Đối với nguyên vật liệu thuê ngoài gia công chế biến:

$$\begin{array}{l} \text{Trị giá thực tế} \\ \text{của NVL gia} \\ \text{công nhập} \\ \text{kho trong kì} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Trị giá thực tế của} \\ \text{NVL xuất gia công} \\ \text{chế biến} \\ + \end{array} \begin{array}{l} \text{Chi phí chế} \\ \text{biến} \\ + \end{array} \begin{array}{l} \text{Tiền công} \\ \text{gia công} \end{array}$$

- Đối với nguyên vật liệu góp vốn liên doanh, cổ phần thì giá thực tế là do các bên tham gia liên doanh đánh giá.

1.1.4.2. Giá thực tế xuất kho.

Khi xuất kho nguyên vật liệu để sử dụng vào hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp kế toán phải tính toán, xác định chính xác trị giá thực tế của nguyên vật liệu xuất kho cho các nhu cầu khác nhau nhằm xác định chính

xác chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Để tính trị giá thực tế của nguyên vật liệu xuất kho có thể áp dụng một trong các phương pháp sau:

*) Phương pháp bình quân gia quyền:

Theo phương pháp này giá thực tế của nguyên vật liệu xuất kho được tính trên cơ sở số lượng nguyên vật liệu xuất kho và đơn giá bình quân của nguyên vật liệu.

$$\begin{aligned} \text{Trị giá thực tế của NVL xuất kho} &= \text{Số lượng NVL xuất kho} \times \text{Đơn giá bình quân} \\ \text{Đơn giá bình quân của kỳ} &= \frac{\text{Trị giá thực tế của NVL tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá thực tế của NVL nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng NVL tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng NVL nhập trong kỳ}} \\ \text{Đơn giá bình quân liên hoàn} &= \frac{\text{Giá trị tồn trước nhập} + \text{Giá trị nhập}}{\text{Số lượng tồn trước nhập} + \text{Số lượng nhập}} \end{aligned}$$

*) Phương pháp giá thực tế đích danh:

Theo phương pháp này giá thực tế nguyên vật liệu xuất kho được tính trên cơ sở số lượng nguyên vật liệu xuất kho và đơn giá thực tế nhập kho của chính lô nguyên vật liệu xuất kho đó. Phương pháp này thường được áp dụng đối với những loại vật liệu đặc chủng, có giá trị cao.

$$\text{Trị giá thực tế của NVL xuất kho} = \text{Số lượng NVL xuất kho} \times \text{Đơn giá thực tế từng lô hàng}$$

*) Phương pháp nhập trước - xuất trước:

Phương pháp nhập trước, xuất trước áp dụng dựa trên giả định là giá trị hàng tồn kho được mua hoặc được sản xuất trước thì được xuất trước, và giá trị hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là giá trị hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất gần thời điểm cuối kỳ. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập kho ở thời điểm đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ, giá trị của hàng tồn kho cuối kỳ được tính theo giá của hàng nhập kho ở thời điểm cuối kỳ hoặc gần cuối kỳ còn tồn kho.

Phương pháp này giúp cho chúng ta có thể tính được ngay trị giá vốn hàng xuất kho từng lần xuất hàng, do vậy đảm bảo cung cấp số liệu kịp thời cho kế toán ghi chép các khâu tiếp theo cũng như cho quản lý. Trị giá vốn của hàng tồn kho sẽ tương đối sát với giá thị trường của mặt hàng đó. Vì vậy chỉ tiêu hàng tồn kho trên báo cáo kế toán có ý nghĩa thực tế hơn.

Tuy nhiên, phương pháp này có nhược điểm là làm cho doanh thu hiện tại không phù hợp với những khoản chi phí hiện tại. Theo phương pháp này, doanh thu hiện tại được tạo ra bởi giá trị sản phẩm, vật tư, hàng hoá đã có được từ cách đó rất lâu. Đồng thời nếu số lượng chủng loại mặt hàng nhiều, phát sinh nhập xuất liên tục dẫn đến những chi phí cho việc hạch toán cũng như khối lượng công việc sẽ tăng lên rất nhiều.

*) Phương pháp giá bán lẻ:

Đây là phương pháp mới bổ sung theo thông tư 200/2014/TT-BTC

Phương pháp này thường được dùng trong ngành bán lẻ để tính giá trị của hàng tồn kho với số lượng lớn các mặt hàng thay đổi nhanh chóng và có lợi nhuận biên tương tự mà không thể sử dụng các phương pháp tính giá gốc khác.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định bằng cách lấy giá bán của hàng tồn kho trừ đi lợi nhuận biên theo tỷ lệ phần trăm hợp lý. Tỷ lệ được sử dụng có tính đến các mặt hàng đó bị hạ giá xuống thấp hơn giá bán ban đầu của nó. Thông thường mỗi bộ phận bán lẻ sẽ sử dụng một tỷ lệ phần trăm bình quân riêng.

Chi phí mua hàng trong kỳ được tính cho hàng tiêu thụ trong kỳ và hàng tồn kho cuối kỳ. Việc lựa chọn tiêu thức phân bổ chi phí mua hàng tùy thuộc tình hình cụ thể của từng doanh nghiệp nhưng phải thực hiện theo nguyên tắc nhất quán

Phương pháp giá bán lẻ được áp dụng cho một số đơn vị đặc thù (ví dụ như các đơn vị kinh doanh siêu thị hoặc tương tự)

Đặc điểm của loại hình kinh doanh siêu thị là chủng loại mặt hàng rất lớn, mỗi mặt hàng lại có số lượng lớn. Khi bán hàng, các siêu thị không thể tính ngay giá vốn của hàng bán vì chủng loại và số lượng các mặt hàng bán ra hàng ngày rất nhiều, lượng khách hàng đông. Vì vậy, các siêu thị thường xây dựng một tỷ lệ lợi nhuận biên trên giá vốn hàng mua vào để xác định ra giá bán hàng hóa (tức là doanh thu). Sau đó, căn cứ doanh số bán ra và tỷ lệ lợi nhuận biên, siêu thị sẽ xác định giá vốn hàng đã bán và giá trị hàng còn tồn kho.

Ngành kinh doanh bán lẻ như hệ thống các siêu thị đang phát triển mạnh mẽ. Mặc dù Chuẩn mực Việt Nam chưa có quy định cách tính giá gốc hàng tồn

kho theo phương pháp bán lẻ nhưng thực tế các siêu thị vẫn áp dụng vì các phương pháp khác đã quy định trong Chuẩn mực không phù hợp để tính giá trị hàng tồn kho và giá vốn hàng bán của siêu thị. Việc bổ sung quy định này là phù hợp với thực tiễn kinh doanh bán lẻ tại Việt Nam và phù hợp với thông lệ quốc tế. Các thông tin về doanh số của siêu thị được xác định hàng ngày sẽ là căn cứ để xác định giá vốn và giá trị hàng tồn kho của siêu thị.

1.2. Tổ chức kế toán chi tiết nguyên vật liệu.

Việc hạch toán chi tiết nguyên vật liệu phải được tiến hành đồng thời cả ở kho và phòng kế toán trên cơ sở các chứng từ nhập, xuất. Các doanh nghiệp phải tổ chức hệ thống chứng từ, mở các sổ kế toán chi tiết trên cơ sở chọn lựa, vận dụng phương pháp kế toán chi tiết nguyên vật liệu cho phù hợp nhằm tăng cường công tác quản lý nguyên vật liệu.

Các doanh nghiệp có thể lựa chọn một trong các phương pháp sau để quản lý chi tiết nguyên vật liệu:

1.2.1. Phương pháp ghi thẻ song song.

Ở kho: Thủ kho dùng “Thẻ kho” để ghi chép hàng ngày tình hình nhập xuất tồn của từng thứ vật tư theo chỉ tiêu số lượng.

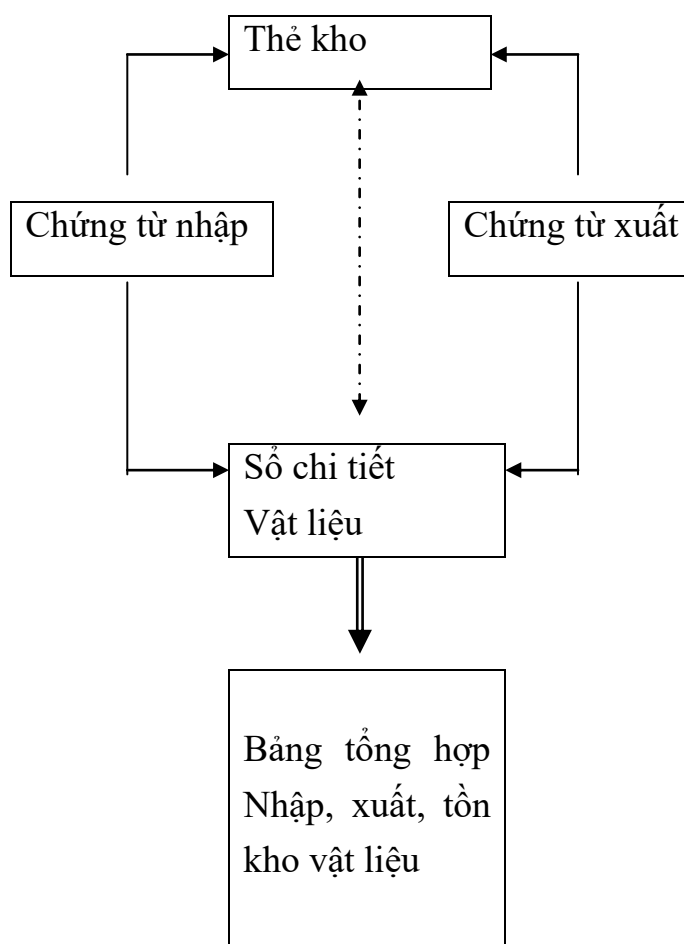
Khi nhận chứng từ nhập xuất vật tư, Thủ kho phải kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp của chứng từ rồi tiến hành ghi chép số thực nhận, thực xuất vào chứng từ và Thẻ kho; cuối ngày tính ra số tồn kho để ghi vào cột tồn trên Thẻ kho. Định kỳ, Thủ kho gửi các chứng từ nhập, xuất đã phân loại theo từng thứ vật tư cho phòng kế toán.

Ở phòng kế toán: Kế toán sử dụng sổ (Thẻ) kế toán chi tiết để ghi chép tình hình nhập xuất cho từng thứ vật tư theo cả hai chỉ tiêu số lượng và giá trị.

Kế toán khi nhận được chứng từ nhập, xuất của Thủ kho gửi lên, kế toán kiểm tra lại chứng từ, hoàn chỉnh chứng từ; căn cứ vào các chứng từ nhập, xuất kho để ghi vào sổ (thẻ) kế toán chi tiết vật tư, mỗi chứng từ được ghi một dòng

Cuối tháng, kế toán lập bảng kê nhập- xuất- tồn, sau đó đối chiếu:

- + Đối chiếu sổ kế toán chi tiết với thẻ kho của thủ kho.
- + Đối chiếu số liệu dòng tổng cộng trên bảng kê nhập- xuất- tồn với số liệu trên sổ kế toán tổng hợp.
- + Đối chiếu số liệu trên sổ kế toán chi tiết với số liệu kiểm kê thực tế.



Ghi chú: → ghi hàng ngày
 ==> ghi cuối tháng
 <-.-.-> đối chiếu kiểm tra

Sơ đồ 1.1: Kế toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp thẻ song song.

* Ưu điểm:

Ghi chép đơn giản, dễ kiểm tra, đối chiếu.

* Nhược điểm:

Việc ghi chép giữa kho và phòng kế toán còn trùng lặp về chỉ tiêu số lượng, khối lượng ghi chép còn nhiều.

* Điều kiện áp dụng:

Thích hợp với những doanh nghiệp có ít chủng loại vật tư, việc nhập- xuất diễn ra không thường xuyên. Đặc biệt, trong điều kiện doanh nghiệp đã làm kế toán máy thì phương pháp này vẫn áp dụng cho những doanh nghiệp có nhiều chủng loại vật tư diễn ra thường xuyên. Do đó, xu hướng phương pháp này sẽ được áp dụng ngày càng rộng rãi.

1.2.2. Phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển.

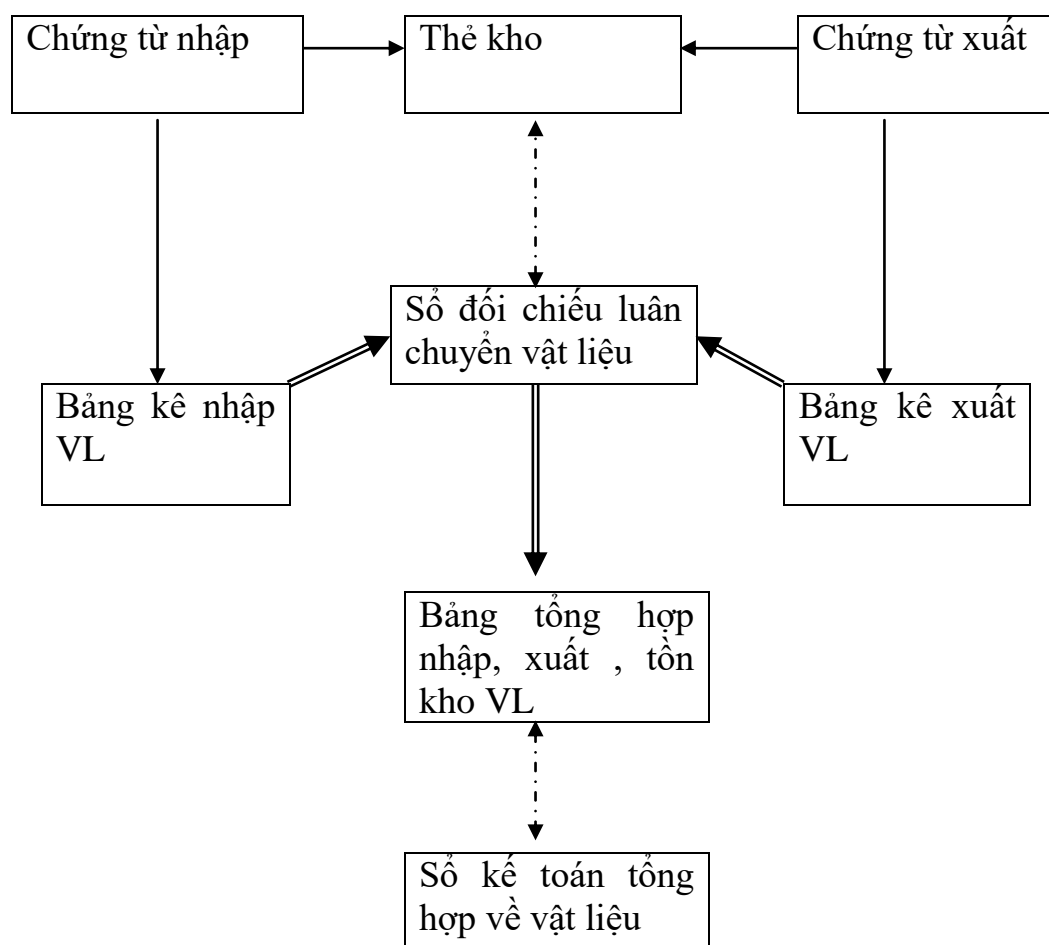
Ở kho: Thủ kho sử dụng “Thẻ kho” để ghi chép giống như phương pháp ghi thẻ song song.

Ở phòng kế toán: Kế toán sử dụng “Sổ đối chiếu luân chuyển” để ghi chép cho từng thứ vật tư theo cả hai chỉ tiêu số lượng và giá trị. “Sổ đối chiếu luân chuyển” được mở cho cả năm và được ghi vào cuối tháng, mỗi thứ vật tư được ghi một dòng trên sổ.

Hàng ngày, khi nhận được chứng từ nhập xuất kho, kế toán tiến hành kiểm tra và hoàn chỉnh chứng từ. Sau đó tiến hành phân loại chứng từ theo từng thứ vật tư, chứng từ nhập riêng, chứng từ xuất riêng. Hoặc kế toán có thể lập bảng kê nhập, bảng kê xuất.

Cuối tháng tổng hợp số liệu từ các chứng từ(hoặc từ bảng kê) để ghi vào sổ đối chiếu luân chuyển cột luân chuyển và tính ra số tồn cuối tháng.

Việc đối chiếu số liệu được tiến hành giống như phương pháp ghi thẻ song song nhưng chỉ tiến hành vào cuối tháng. Trình tự ghi sổ được khái quát theo sơ đồ:



Ghi chú:
 → ghi hàng ngày
 ==> ghi cuối tháng
 <-.-.-> đối chiếu kiểm tra

Sơ đồ 1.2: Kế toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp

sổ đối chiếu luân chuyển

* Ưu điểm:

Khối lượng ghi chép của kế toán được giảm bớt do chỉ ghi một lần vào cuối tháng.

* Nhược điểm:

Phương pháp này vẫn còn ghi sổ trùng lặp giữa kho và phòng kế toán về chỉ tiêu số lượng; việc kiểm tra đối chiếu giữa kho và phòng kế toán chỉ tiến hành được vào cuối tháng nên hạn chế tác dụng kiểm tra của kế toán.

* Điều kiện áp dụng:

Thích hợp với các doanh nghiệp có chủng loại vật tư ít không có điều kiện ghi chép, theo dõi tình hình nhập, xuất hàng ngày; phương pháp này thường ít được áp dụng trong thực tế.

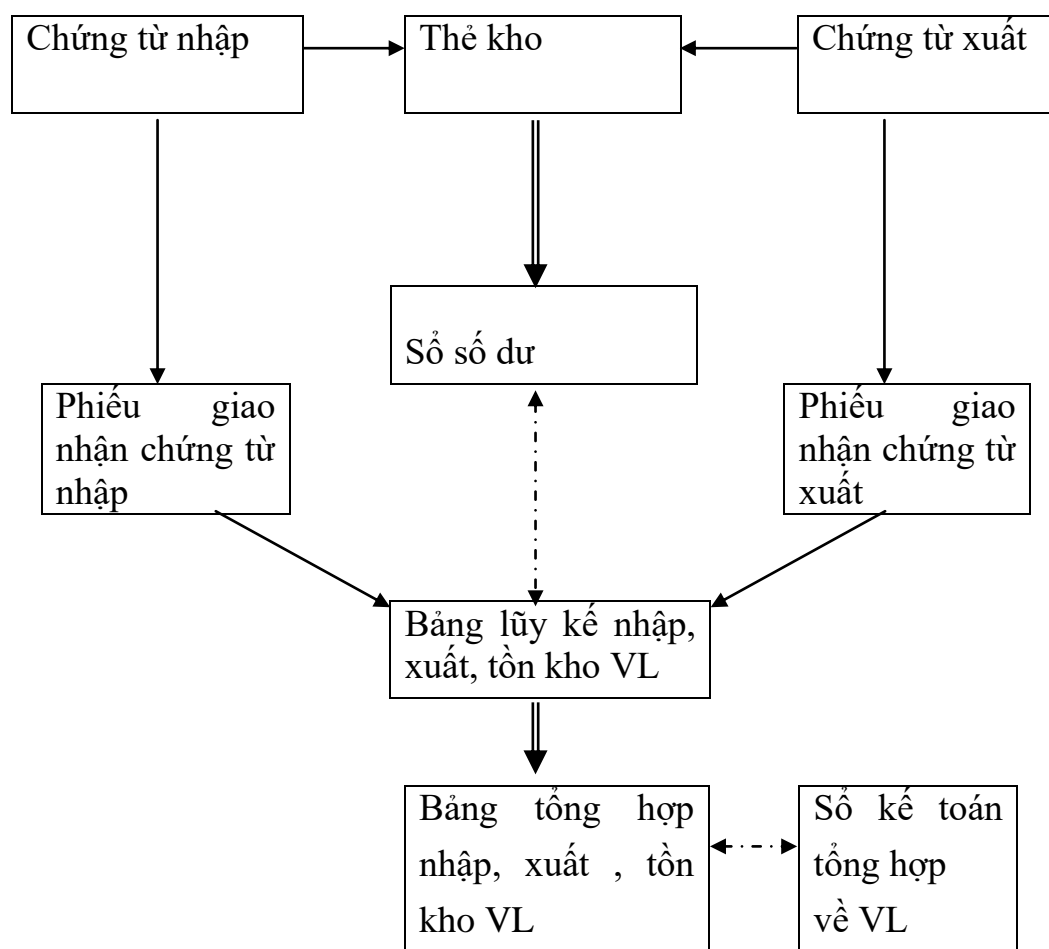
1.2.3. Phương pháp sổ số dư.

Ở kho: Vẫn sử dụng “thẻ kho” để ghi chép như hai phương pháp trên. Đồng thời cuối tháng thủ kho còn ghi vào “Sổ số dư” số tồn kho cuối tháng của từng thứ vật tư cột số lượng. (“Sổ số dư” do kế toán lập cho từng kho, được mở cho cả năm. trên “Sổ số dư”, vật tư được xếp thứ, nhóm, loại; có dòng cộng nhóm, cộng lại. Cuối mỗi tháng, “Sổ số dư” được chuyển cho thủ kho để ghi chép).

Ở phòng kế toán: Kế toán định kỳ xuống kho kiểm tra việc ghi chép trên “Thẻ kho” của thủ kho và trực tiếp nhận chứng từ nhập- xuất kho. Sau đó, kế toán ký xác nhận vào từng thẻ kho và ký vào phiếu giao nhận chứng từ.

Tại phòng kế toán, nhân viên kế toán kiểm tra lại chứng từ, hoàn chỉnh chứng từ và tổng hợp giá trị (giá hạch toán) theo từng nhóm, loại vật tư để ghi chép vào cột “Số tiền” trên “Phiếu giao nhận chứng từ”, số liệu này được ghi vào “Bảng kê lũy kế nhập” và “Bảng kê lũy kế xuất” vật tư.

Cuối tháng, khi nhận được sổ số dư do thủ kho gửi lên kế toán căn cứ số lượng tồn kho mà thủ kho đã ghi ở sổ số dư và đơn giá từng thứ vật liệu tính ra thành tiền ghi vào cột số tiền ở cột số dư. Số liệu trên cột số tiền ở sổ số dư sẽ được đối chiếu với số tồn kho trên bảng nhập xuất tồn và đối chiếu với số liệu của kế toán tổng hợp.



Ghi chú:
 → ghi hàng ngày
 ==> ghi cuối tháng
 <-.-.-.-> đối chiếu kiểm tra

Sơ đồ 1.3: Kế toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp số số dư

* Ưu điểm:

Giảm nhẹ đáng kể khối lượng công việc ghi chép hàng ngày và công việc được tiến hành đều trong tháng.

* Nhược điểm:

Do kế toán chỉ ghi theo giá trị nên qua số liệu kế toán không thể biết được tình hình biến động của từng NVL mà muốn biết phải xem trên thẻ kho. Ngoài ra, khi kiểm tra đối chiếu nếu có sai sót sẽ gặp khó khăn.

* Điều kiện áp dụng.

Phương pháp số dư áp dụng thích hợp trong các doanh nghiệp có khối lượng các nghiệp vụ về nhập-xuất NVL lớn, nhiều chủng loại vật liệu, dùng giá hạch toán để hạch toán hàng ngày và trình độ kế toán của doanh nghiệp tương đối cao.

1.3. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu trong doanh nghiệp.

1.3.1. Phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp kê khai thường xuyên: là phương pháp theo dõi và phản ánh tình hình hiện có, những biến động tăng giảm hàng tồn kho một cách thường xuyên, liên tục, có hệ thống trên các tài khoản phản ánh hàng tồn kho và sổ kế toán tổng hợp trên cơ sở các chứng từ nhập - xuất.

Như vậy, việc xác định giá trị nguyên vật liệu xuất kho theo phương pháp này được căn cứ trực tiếp vào các chứng từ xuất kho sau khi đã được tập hợp, phân loại theo cá đối tượng sử dụng để ghi vào cá tài khoản và sổ kế toán.

$$\text{Trị giá NVL tồn kho cuối kỳ} = \text{Trị giá NVL tồn kho đầu kỳ} + \text{Trị giá NVL nhập kho trong kỳ} - \text{Trị giá NVL xuất kho trong kỳ}$$

1.3.1.1. Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn giá trị gia tăng
- Phiếu nhập kho
- Phiếu xuất kho
- Biên bản kiểm kê vật tư, hàng hóa

1.3.1.2. Tài khoản kế toán sử dụng.

TK 152 - Nguyên vật liệu.

Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá hiện có và tình hình biến động tăng, giảm của các loại nguyên liệu, vật liệu trong kho của doanh nghiệp

*) Kết cấu và nội dung phản ánh của TK 152:

Bên nợ: - Trị giá thực tế của nguyên liệu, vật liệu nhập kho do mua ngoài, tự chế, thuê ngoài gia công, chế biến, nhận góp vốn hoặc từ các nguồn khác;

- Trị giá nguyên liệu, vật liệu thừa phát hiện khi kiểm kê;
- Kết chuyển trị giá thực tế của nguyên liệu, vật liệu tồn kho cuối kỳ (trường hợp doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ).

Bên có: - Trị giá thực tế của nguyên liệu, vật liệu xuất kho dùng vào sản xuất, kinh doanh, để bán, thuê ngoài gia công chế biến, hoặc đưa đi góp vốn;

- Trị giá nguyên liệu, vật liệu trả lại người bán hoặc được giảm giá hàng mua;

- Chiết khấu thương mại nguyên liệu, vật liệu khi mua được hưởng;
- Trị giá nguyên liệu, vật liệu hao hụt, mất mát phát hiện khi kiểm kê;
- Kết chuyển trị giá thực tế của nguyên liệu, vật liệu tồn kho đầu kỳ

(trường hợp doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ).

Số dư bên Nợ: - Trị giá thực tế của nguyên liệu, vật liệu tồn kho cuối kỳ.

TK 151 - Nguyên vật liệu.

Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá của các loại hàng hóa, vật tư (nguyên liệu, vật liệu; công cụ, dụng cụ; hàng hóa) mua ngoài đã thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp còn đang trên đường vận chuyển, ở bến cảng, bến bãi, kho ngoại quan hoặc đã về đến doanh nghiệp nhưng đang chờ kiểm nhận nhập kho.

Hàng hóa, vật tư được coi là thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp nhưng chưa nhập kho, bao gồm:

Hàng hóa, vật tư mua ngoài đã thanh toán tiền hoặc đã chấp nhận thanh toán nhưng còn để ở kho người bán, ở bến cảng, bến bãi hoặc đang trên đường vận chuyển;

Hàng hóa, vật tư mua ngoài đã về đến doanh nghiệp nhưng đang chờ kiểm nghiệm, kiểm nhận nhập kho.

Kế toán hàng mua đang đi đường được ghi nhận trên tài khoản 151 theo nguyên tắc giá gốc quy định trong Chuẩn mực kế toán “Hàng tồn kho”.

Hàng ngày, khi nhận được hóa đơn mua hàng, nhưng hàng chưa về nhập kho, kế toán chưa ghi sổ mà tiến hành đối chiếu với hợp đồng kinh tế và lưu hóa đơn vào tập hồ sơ riêng: “Hàng mua đang đi đường”.

Trong tháng, nếu hàng về nhập kho, kế toán căn cứ vào phiếu nhập kho và hóa đơn mua hàng ghi sổ trực tiếp vào các tài khoản 152 “Nguyên liệu, vật liệu”, tài khoản 153 “Công cụ, dụng cụ”, tài khoản 156 “Hàng hóa”, tài khoản 158 “Hàng hoá kho bảo thuế”.

Nếu cuối tháng hàng vẫn chưa về thì căn cứ hóa đơn mua hàng ghi vào tài khoản 151 “Hàng mua đang đi đường”. Kế toán phải mở chi tiết để theo dõi hàng mua đang đi đường theo từng chủng loại hàng hóa, vật tư, từng lô hàng, từng hợp đồng kinh tế.

*) Kết cấu và nội dung phản ánh của TK 151:

Bên nợ: - Trị giá hàng hóa, vật tư đã mua đang đi đường;

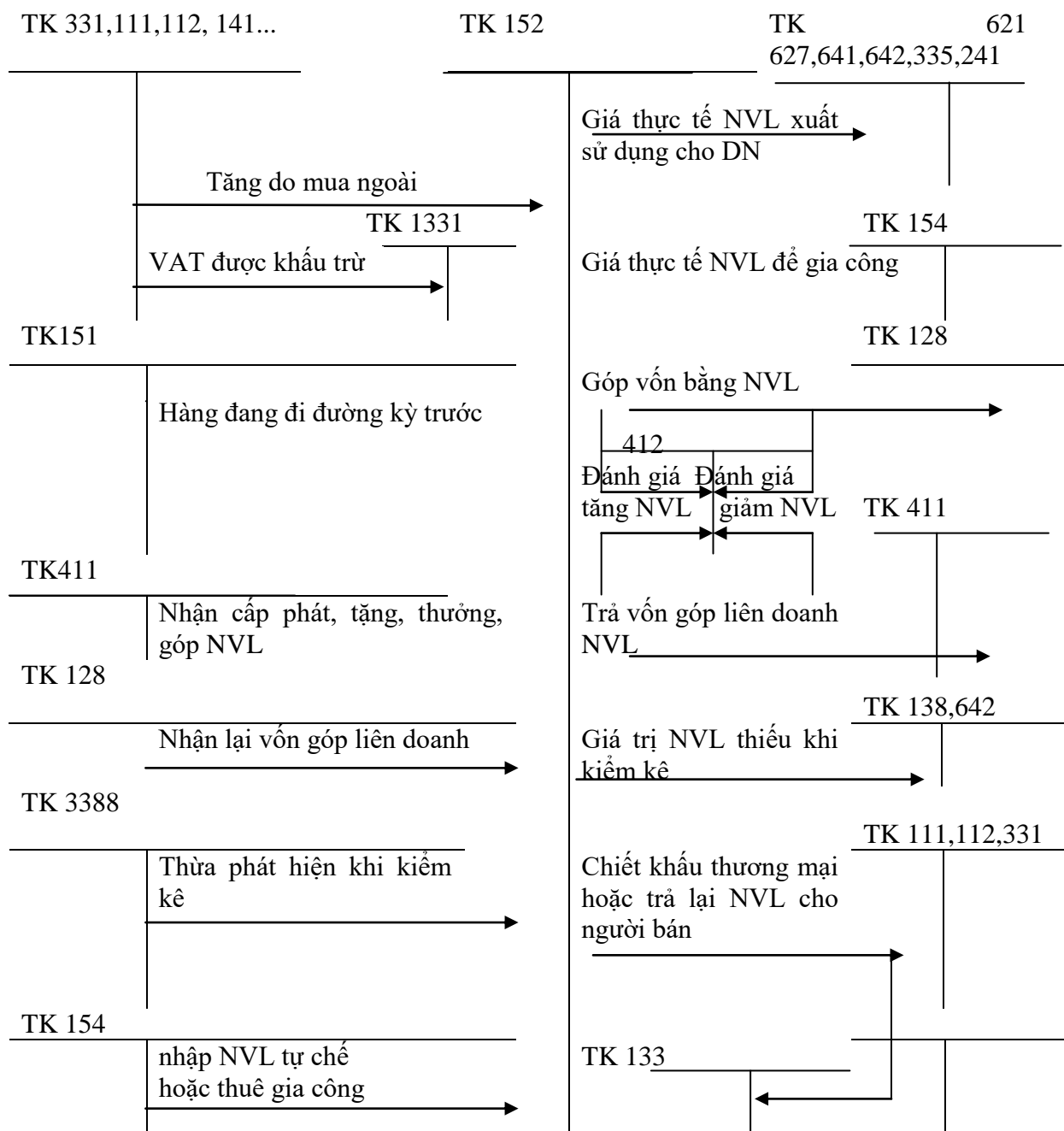
- Kết chuyển trị giá thực tế của hàng vật tư mua đang đi đường cuối kỳ (trường hợp doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ).

Bên có: - Trị giá hàng hóa, vật tư đã mua đang đi đường đã về nhập kho hoặc đã chuyển giao thẳng cho khách hàng;

- Kết chuyển trị giá thực tế của hàng hóa, vật tư đã mua đang đi đường đầu kỳ (trường hợp doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ).

Số dư bên Nợ: - Trị giá hàng hóa, vật tư đã mua nhưng còn đang đi đường (chưa về nhập kho doanh nghiệp).

1.3.1.3. Phương pháp hạch toán.



Sơ đồ 1.4: Hạch toán tổng hợp các trường hợp tăng giảm nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên.

1.3.2. Phương pháp kiểm kê định kỳ.

Không theo dõi, phản ánh thường xuyên, liên tục.

Chỉ phản ánh hàng tồn đầu kỳ và cuối kỳ, không phản ánh hàng xuất trong kỳ

Phương pháp kiểm kê định kỳ là phương pháp căn cứ vào kết quả kiểm kê thực tế để phản ánh giá trị hàng tồn kho cuối kỳ trên sổ kế toán tổng hợp và từ đó tính ra trị giá vật tư, hàng hoá đã xuất.

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Trị giá vật tư} & & \text{Trị giá vật tư} & & \text{Tổng giá vật tư} & & \text{Trị giá vật tư} \\ \text{xuất kho} & = & \text{tồn đầu kỳ} & + & \text{mua vào trong} & - & \text{tồn cuối kỳ} \\ & & & & \text{kỳ} & & \end{array}$$

1.3.2.1. Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn giá trị gia tăng
- Phiếu nhập kho
- Phiếu xuất kho
- Biên bản kiểm kê vật tư, hàng hóa

1.3.2.2. Tài khoản sử dụng

Theo phương pháp này, mọi biến động về vật tư không được theo dõi, phản ánh trên tài khoản 152, giá trị vật tư mua vào được phản ánh trên tài khoản "Mua hàng".

Phương pháp này thường được áp dụng ở những doanh nghiệp có nhiều chủng loại vật tư, giá trị thấp và được xuất thường xuyên.

Tài khoản 611 - Mua hàng

Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ, hàng hoá mua vào, nhập kho hoặc đưa vào sử dụng trong kỳ. Tài khoản 611 "Mua hàng" chỉ áp dụng đối với doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

*) Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản 611

Bên Nợ: - Kết chuyển giá gốc hàng hoá, nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ tồn kho đầu kỳ (theo kết quả kiểm kê);

- Giá gốc hàng hoá, nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ, mua vào trong kỳ;

Bên Có: - Kết chuyển giá gốc hàng hoá, nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ tồn kho cuối kỳ (theo kết quả kiểm kê); - Giá gốc hàng hoá, nguyên liệu,

vật liệu, công cụ, dụng cụ xuất sử dụng trong kỳ, hoặc giá gốc hàng hoá xuất bán (chưa được xác định là đã bán trong kỳ);

- Giá gốc nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ, hàng hoá mua vào trả lại cho người bán, hoặc được giảm giá.

Tài khoản 611 không có số dư cuối kỳ.

Tài khoản 611 - Mua hàng, có 2 tài khoản cấp 2:

- **Tài khoản 6111 - Mua nguyên liệu, vật liệu:** Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ mua vào, xuất sử dụng trong kỳ kế toán và kết chuyển giá trị nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ tồn kho đầu kỳ và cuối kỳ kế toán;

- **Tài khoản 6112 - Mua hàng hoá:** Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị hàng hoá mua vào, xuất bán trong kỳ kế toán và kết chuyển giá trị hàng hoá tồn kho đầu kỳ, tồn kho cuối kỳ kế toán.

Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ, hàng hoá mua vào, nhập kho hoặc đưa vào sử dụng trong kỳ. Tài khoản 611 "Mua hàng" chỉ áp dụng đối với doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

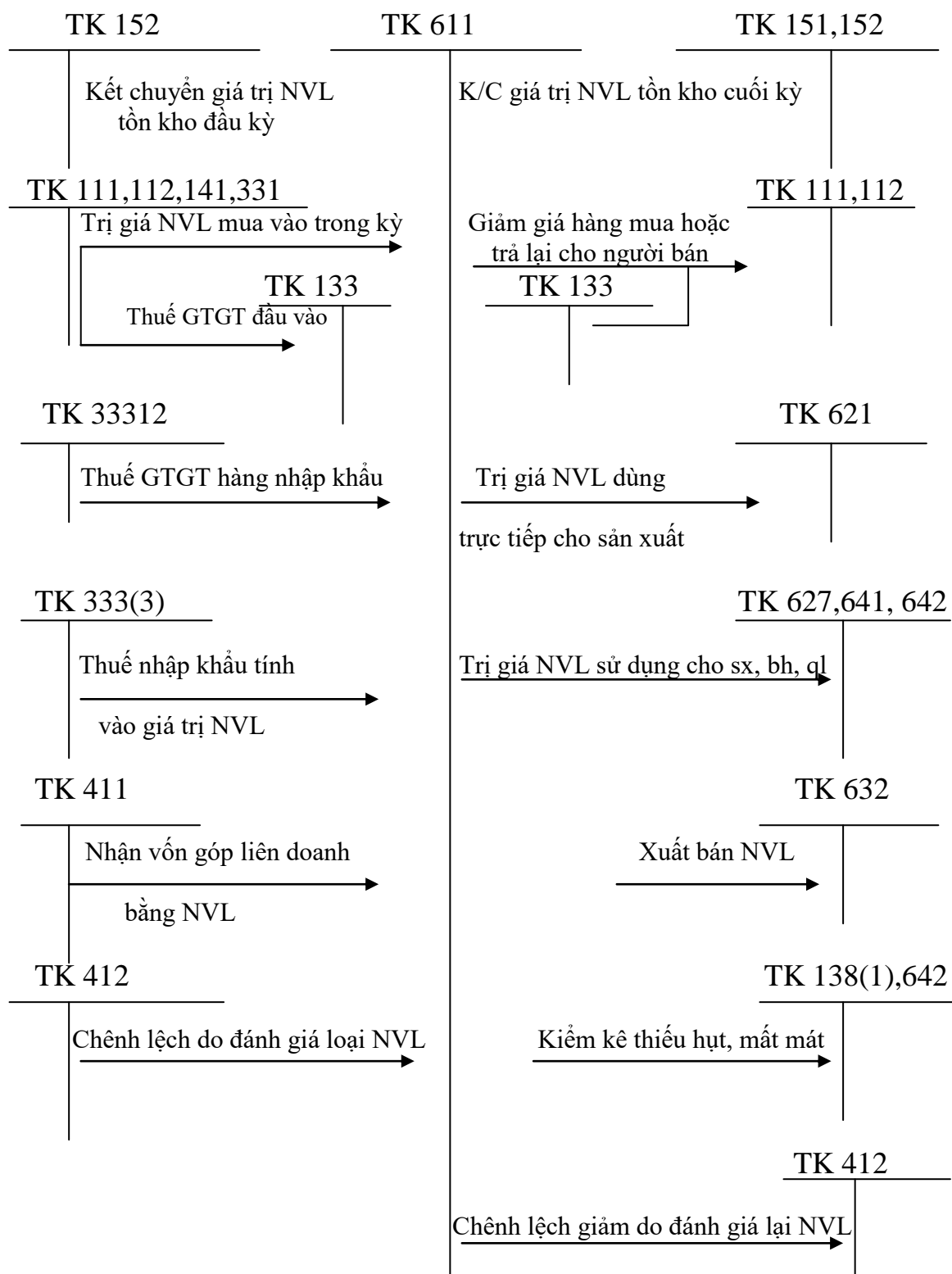
Giá trị nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ, hàng hoá mua vào phản ánh trên tài khoản 611 "Mua hàng" phải thực hiện theo nguyên tắc giá gốc.

Trường hợp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ, doanh nghiệp phải tổ chức kiểm kê hàng tồn kho vào cuối kỳ kế toán để xác định số lượng và giá trị của từng nguyên liệu, vật liệu, hàng hoá, sản phẩm, công cụ, dụng cụ tồn kho đến cuối kỳ kế toán để xác định giá trị hàng tồn kho xuất vào sử dụng và xuất bán trong kỳ.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ: Khi mua nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ, hàng hoá, căn cứ vào hoá đơn mua hàng, Hoá đơn vận chuyển, phiếu nhập kho, thông báo thuế nhập khẩu phải nộp (hoặc biên lai thu thuế nhập khẩu,...) để ghi nhận giá gốc hàng mua vào tài khoản 611 "Mua hàng". Khi xuất sử dụng, hoặc xuất bán chỉ ghi một lần vào cuối kỳ kế toán căn cứ vào kết quả kiểm kê.

Kế toán phải mở sổ chi tiết để hạch toán giá gốc hàng tồn kho mua vào theo từng thứ nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ, hàng hoá.

1.3.2.3. Phương pháp hạch toán.



Sơ đồ 1.5: Hạch toán tổng hợp các trường hợp tăng giảm nguyên vật liệu theo phương pháp kiểm kê định kỳ

1.4. Tổ chức vận dụng hệ thống sổ sách kế toán vào công tác kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp.

Chế độ kế toán áp dụng:

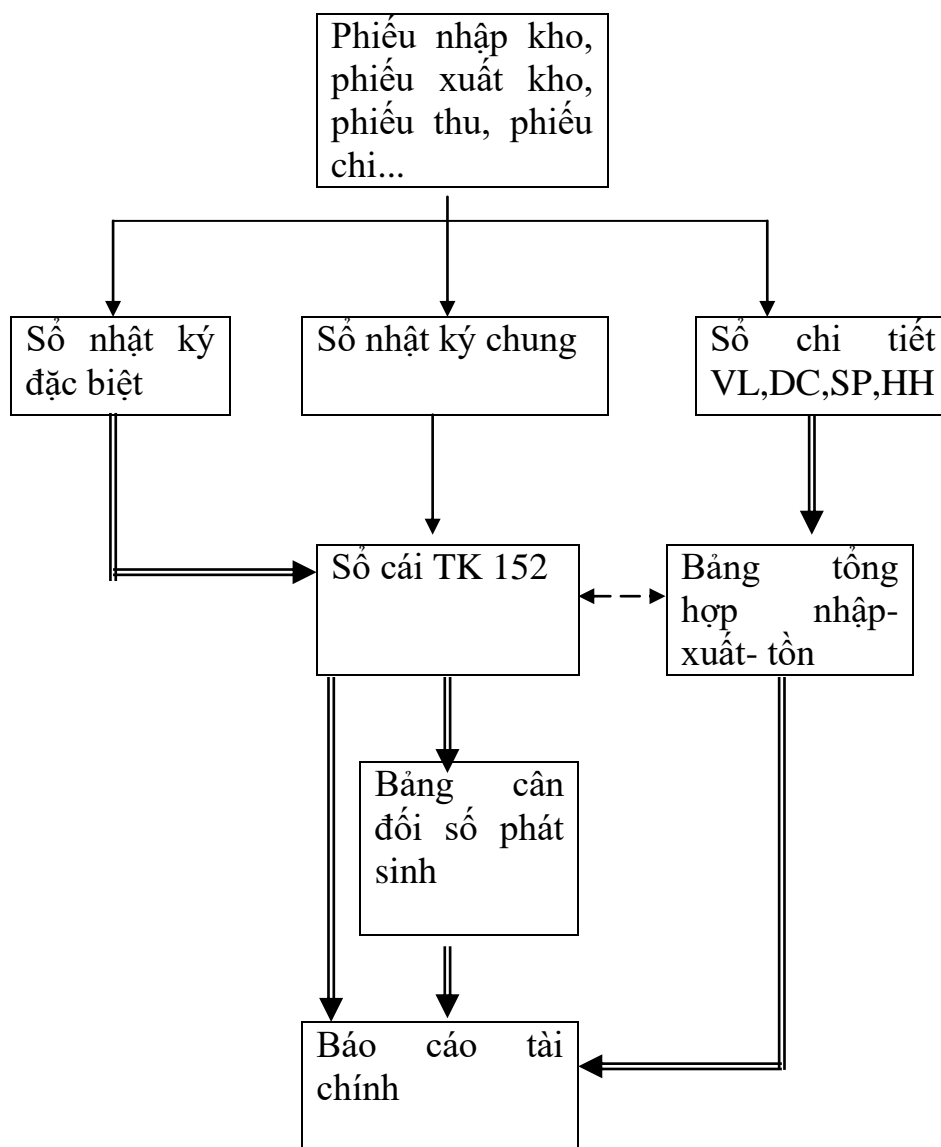
Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/ 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Tùy thuộc vào hình thức kế toán của doanh nghiệp sử dụng mà sổ kế toán dùng để phản ánh tình hình nhập xuất NVL có thể khác nhau. Có 5 hình thức kế toán:

- + Hình thức kế toán Nhật ký chung;
- + Hình thức kế toán Nhật ký - sổ cái;
- + Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ;
- + Hình thức kế toán Nhật ký - Chứng từ;
- + Hình thức kế toán máy.

1.4.1. Hình thức kế toán Nhật ký chung

Nguyên tắc, đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký chung. Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều được ghi vào sổ Nhật ký, trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi sổ Cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.



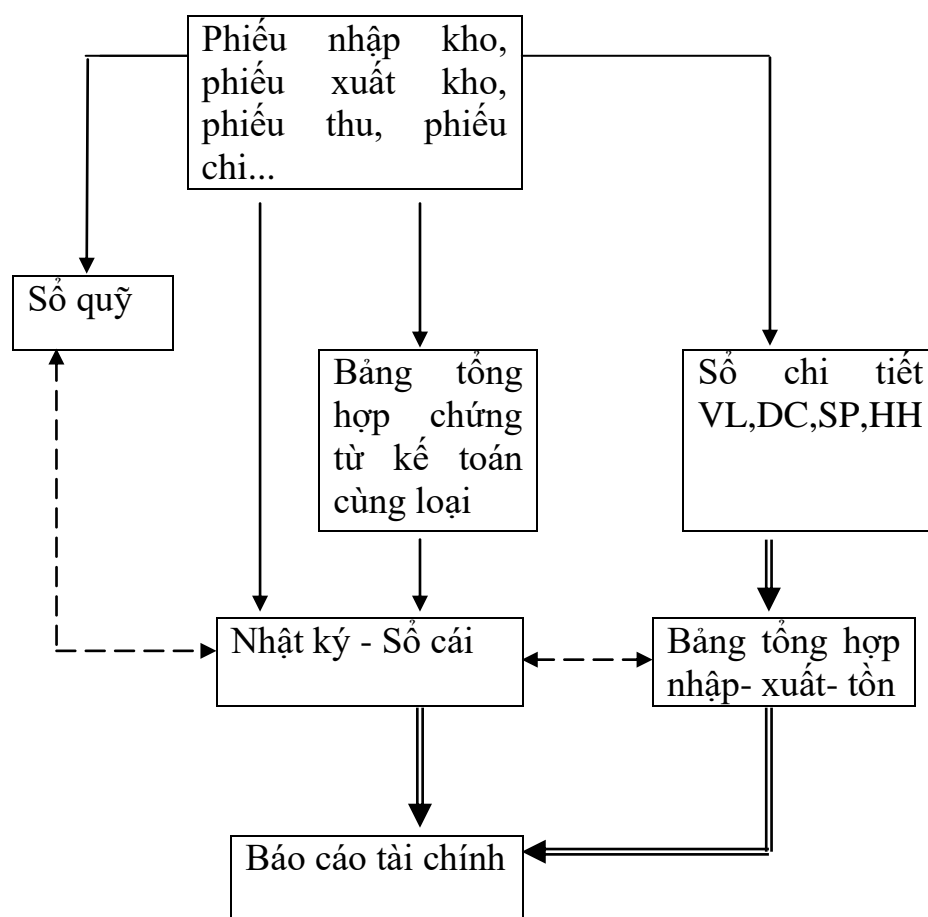
Ghi chú:

- Ghi hàng ngày —————>
- Ghi cuối tháng, định kỳ =====>
- Đối chiếu, kiểm tra <--- -->

Sơ đồ 1.6: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức nhật ký chung

1.4.2. Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái: Các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế (theo tài khoản kế toán) trên cùng một quyển, sổ kế toán tổng hợp duy nhất là sổ Nhật ký - Sổ cái. Căn cứ để ghi vào sổ này là các chứng từ kết toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày →
- Ghi cuối tháng, định kỳ ==>
- Đối chiếu, kiểm tra <- - ->

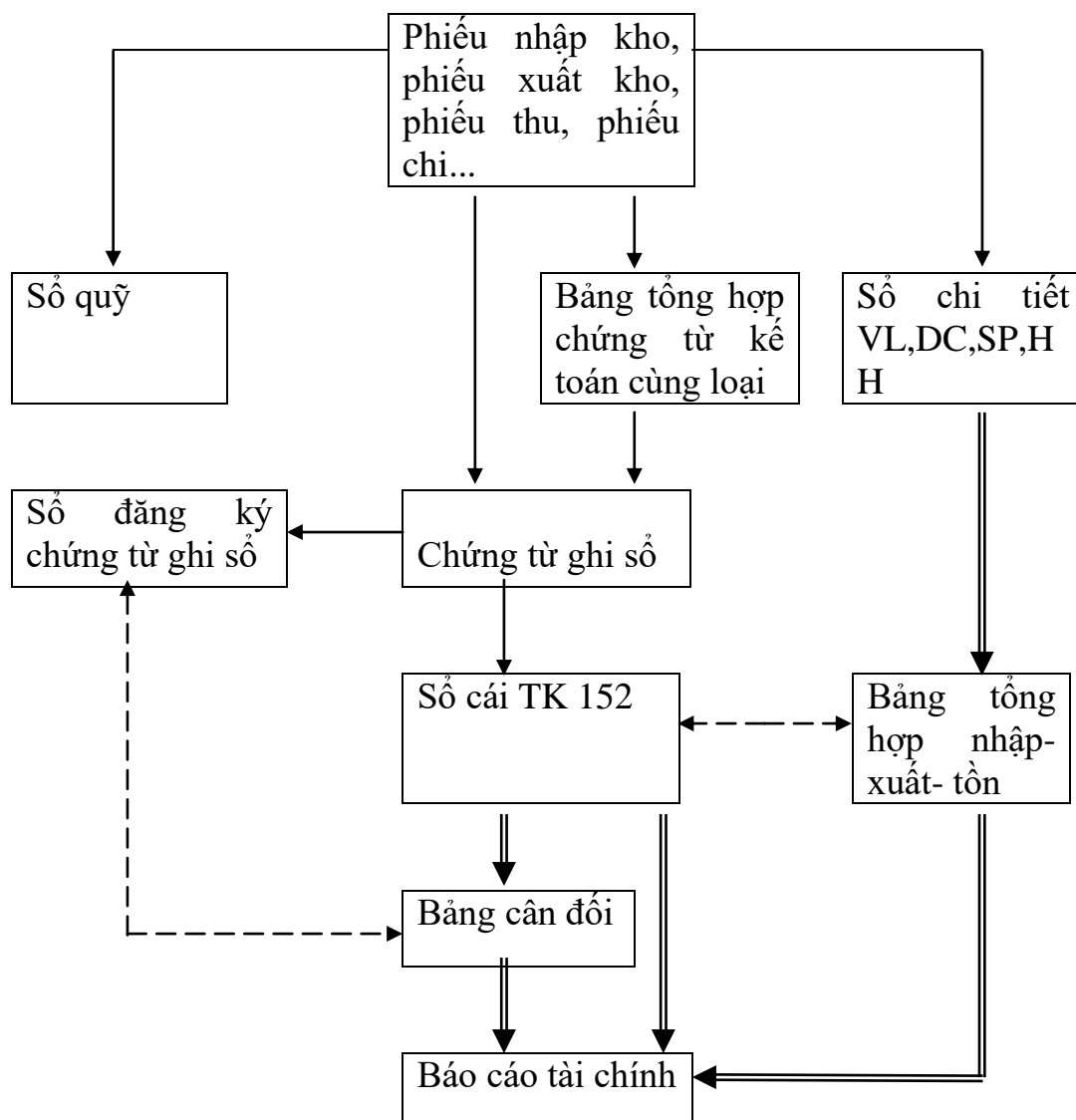
Sơ đồ 1.7: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký - sổ cái

1.4.3. Hình thức kế toán Chứng từ - ghi sổ

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Chứng từ - ghi sổ: Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là "Chứng từ ghi sổ". Việc ghi sổ kế toán tổng hợp bao gồm:

- Ghi theo trình tự thời gian trên Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ
- Ghi theo nội dung kinh tế trên Sổ cái

Chứng từ ghi sổ do kế toán lập trên cơ sở từng chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại, có cùng nội dung kinh tế. Chứng từ ghi sổ được đánh số liệu liên tục trong từng tháng hoặc cả năm (theo số thứ tự trong Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ) và có chứng từ kế toán đính kèm, phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán.



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- Ghi cuối tháng, định kỳ
- Đối chiếu, kiểm tra

Sơ đồ 1.8: *Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Chứng từ ghi sổ*

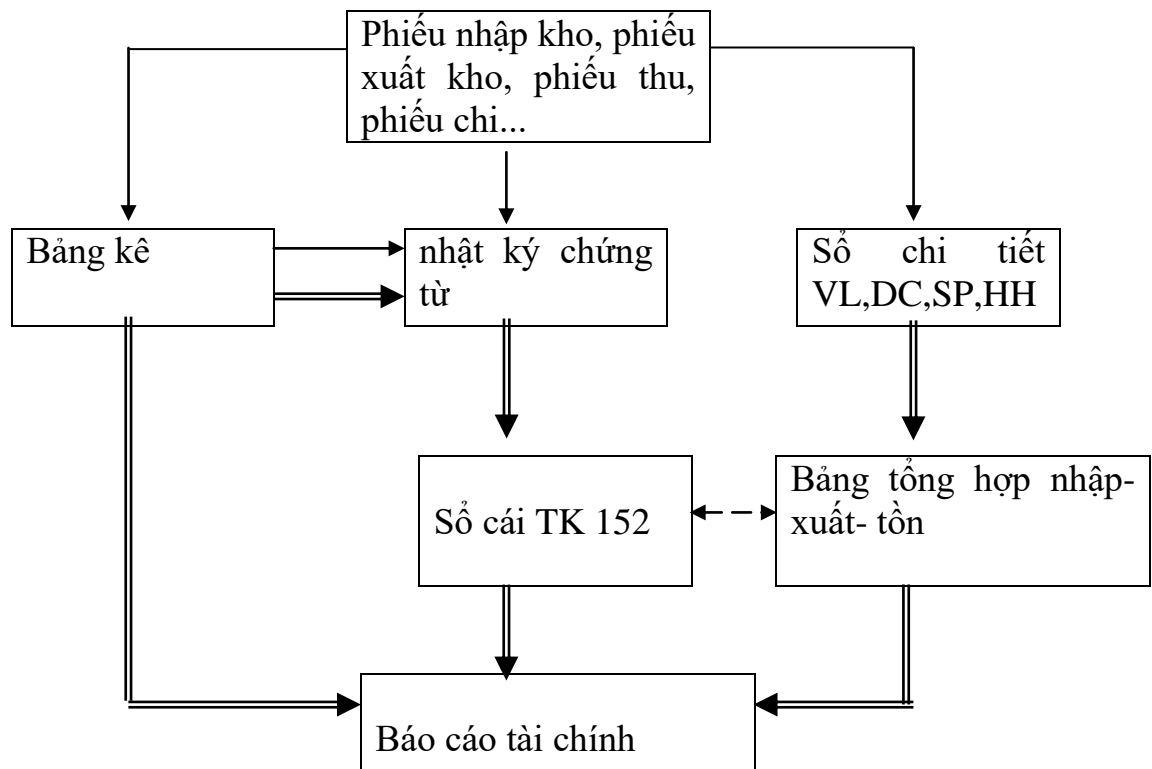
1.4.4. Hình thức kế toán Nhật ký - Chứng từ

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký - Chứng từ: Tập hợp và hệ thống hóa các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo bên Có của các tài khoản kết hợp với việc phân tích các nghiệp vụ kinh tế đó theo các tài khoản đối ứng Nợ.

Kết hợp chặt chẽ việc ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian với việc hệ thống hóa các nghiệp vụ theo nội dung kinh tế.

Kết hợp rộng rãi việc hạch toán tổng hợp với hạch toán chi tiết trên cùng một sổ kế toán và trong cùng một quá trình ghi chép.

Sử dụng các mẫu sổ in sẵn các quan hệ đối ứng tài khoản. Chỉ tiêu quản lý kinh tế, tài chính và lập báo cáo tài chính.



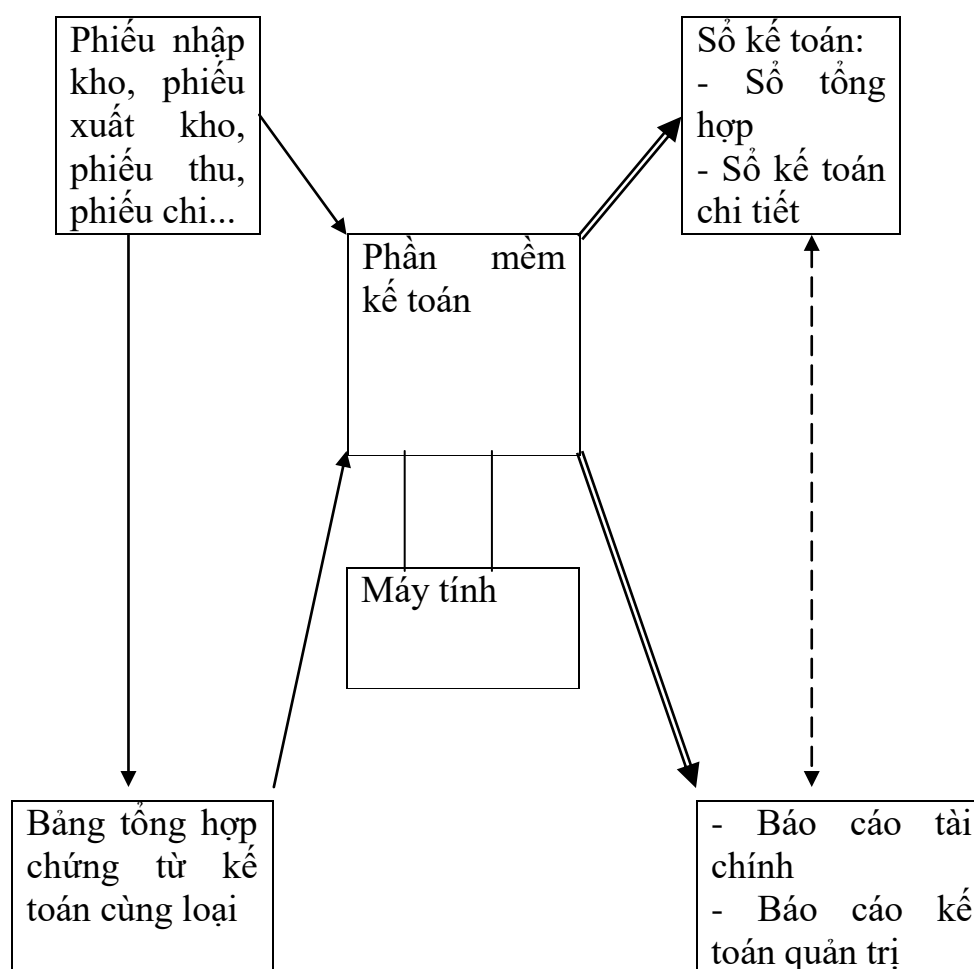
Ghi chú:

- Ghi hàng ngày →
- Ghi cuối tháng, định kỳ ==>
- Đối chiếu, kiểm tra <- - - >

Sơ đồ 1.9: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký - chứng từ

1.4.5. Hình thức kế toán máy.

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán máy: Công việc được kế toán thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy tính. Phần mềm được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán nhưng in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định. Phần mềm kế toán được thiết kế theo hình thức nào sẽ có sổ của hình thức kế toán đó nhưng không giống hoàn toàn mẫu sổ kế toán ghi bằng tay



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- Ghi cuối tháng, định kỳ
- Đối chiếu, kiểm tra

Sơ đồ 1.10: *Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán máy*

CHƯƠNG II:

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG THỦY LỢI HẢI PHÒNG

2.1. Giới thiệu chung về Công ty Cổ phần xây dựng Thủy lợi Hải Phòng.

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty.

Công ty cổ phần Xây dựng Thủy lợi Hải Phòng được cổ phần hóa từ Công ty xây dựng thủy lợi Hải Phòng theo Quyết định số 2526/QĐ-UB ngày 01 tháng 11 năm 2005 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng; được cấp Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần, mã số thuế doanh nghiệp 0200110296, đăng kí lần đầu ngày 06/12/2005, đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 09/06/2011, đăng ký thay đổi lần 2 ngày 05 tháng 11 năm 2012, đăng kí thay đổi lần thứ 3 ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Sở kế hoạch và Đầu tư Hải Phòng.

- Tên đối ngoại: Hai Phong Hydraulic construction Joint Stock Company (HACCO).

- Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp: Ông Đỗ Ngọc Mạnh, chức danh Tổng giám đốc.

- Quyết định xếp hạng doanh nghiệp Nhà nước: Hạng I của ủy ban nhân dân Thành phố Hải Phòng số 2923/QĐ-UB ngày 12 tháng 11 năm 2003.

- Trụ sở chính của công ty: Km 57, Quốc lộ 10, thị trấn Trường Sơn, huyện An Lão, thành phố Hải phòng.

- Điện thoại/Fax: 0313 679 520 - 0313 679 928

Công ty là đơn vị kinh tế hạch toán độc lập, có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng, có tài khoản tại Ngân hàng Đầu tư phát triển Hải Phòng, hoạt động theo luật doanh nghiệp và pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Hoạt động trong lĩnh vực xây dựng thủy lợi, xây dựng dân dụng và công nghiệp.

Ngành nghề kinh doanh.

Hoạt động kinh doanh chính của công ty là:

- Xây dựng các công trình thủy lợi;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi, bán buôn sơn, vécni;
- Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh;
- Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao;

- Đóng tàu và cầu kiện nổi, xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng công trình công nghiệp, xây lắp công trình đường điện và trạm biến áp điện áp đến 110KV;
- Xây dựng công trình cửa, đường hầm;
- Phá dỡ;
- Bán buôn sắt thép;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng, thạch cao;
- Truyền tải và phân phối điện;
- Xây dựng nhà các loại, nhà khách kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày, nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu;
- Nạo vét luồng sông cảng biển;
- Trồng hoa, cây cảnh;
- Khai thác đá, sỏi, cát, đất sét;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi;
- Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình thủy lợi, công trình dân dụng và công nghiệp;
- Thiết kế kết cấu công trình thủy lợi, đo đạc bản đồ, thăm dò địa chất, nguồn nước;
- Tư vấn quản lý dự án các công trình xây dựng nhóm C, tư vấn lập hồ sơ mời thầu, hồ sơ dự thầu các công trình xây dựng;
- Cho thuê máy móc thiết bị xây dựng.

2.1.2. Đặc điểm tình hình sản xuất.

Trong quá trình phát triển, công ty đã thực hiện tổ chức thi công các công trình trên địa bàn thành phố và các tỉnh đạt hiệu quả cao như: Đắp đê lấn biển, mở rộng diện tích canh tác cho các vùng kinh tế như : đường 14 Đồ Sơn, Đình Vũ, Gia Minh - Minh Đức - Thủy Nguyên, Vinh Quang - Tiên Lãng, Phù Long - Cát Hải... Công tác đắp đê, làm công trình bảo vệ đê điều bằng các kết cấu kè đá, kè mỏ hàn, xây tường chắn sóng, kè tấm đúc sẵn..., xây dựng các công trình cầu cống, trạm bơm như Cống Cỏ Tiều III, Cống điều tiết Liên Mạc..., đều đạt chất lượng và hiệu quả cao, góp phần bảo vệ an toàn cho thành phố trước thiên tai.

Công ty còn tổ chức thi công các công trình do ngành và địa phương khác đầu tư như: Cầu cập tàu 3000 tấn của Bộ thủy sản, Cầu Trinh Xá, Cầu Nguyệt Áng với tải trọng H30, khu vực kho xăng của Bộ thương mại, các hệ thống thủy nông Sông Nhuệ thuộc Hà Nội, Hà Tây, Hà Nam. Trạm bơm Long Động Nam Sách - Hải Dương, hệ thống thủy lợi Tràng Vinh - Quảng Ninh, Bến quay tàu cảng Diêm Điền Thái Bình, kè bờ Nam tuyến Sông Kiên Giang Thái Bình, trồng cây xanh cây cảnh, bồn hoa đường 353 Cầu Rào - Đồ Sơn, thi công Cống Ngãi Hòa Trà Vinh, Cống Thâu Râu, kênh Trà Su,...

Công ty có đội ngũ các bộ quản lý, điều hành, kỹ sư chuyên ngành lâu năm giàu kinh nghiệm rất sáng tạo trong công tác tổ chức thực hiện các dự án và công trình quy mô, đội ngũ công nhân lành nghề, trách nhiệm cao.

Công ty có trang bị công cụ cơ giới hóa cao, số lượng lớn và không ngừng được cải tiến phù hợp với đặc điểm thi công công trình

Đơn vị chấp hành tốt các quy định về quản lý nguồn tài chính và tăng trưởng khá, đảm bảo chấp hành chế độ quản lý nộp thuế, ngân sách được các cơ quan quản lý địa phương tín nhiệm, được Ngân hàng Đầu tư và phát triển thành phố cam kết bảo đảm đủ nguồn vốn tín dụng cho sản xuất kinh doanh.

Các công trình do Công ty tổ chức thi công đều đạt chất lượng đúng kế hoạch, đảm bảo thời gian, giá thành hợp lý, quản lý sử dụng thuận tiện và phát huy hiệu quả thiết thực cho sản xuất và đời sống.

* Các thành tựu đạt được.

Với cơ sở hạ tầng vững chắc công ty đã đạt được những kết quả trong quá trình trưởng thành thiết và phát triển đó là: Công ty được Nhà nước tặng huân chương lao động hạng hai, 2 huân chương lao động hạng ba.

Từ 1997 đến nay liên tục được Bộ chuyên ngành, UBND thành phố Hải Phòng tặng cờ, bằng khen về thành tích xuất sắc trong công tác sản xuất:

- Năm 1997 được tặng huy chương vàng công trình chất lượng tiêu biểu toàn quốc cho công trình Dương Áo - Tiên Lãng - Hải Phòng.

- Năm 2001 được tặng huy chương vàng công trình chất lượng tiêu biểu toàn quốc cho công trình cống Cỗ Tiểu 3 - Kiến Thụy - Hải Phòng.

- Năm 2002 được tặng huy chương vàng công trình chất lượng tiêu biểu toàn quốc cho công trình Cống điều tiết Liên Mạc - Từ Liêm - Hà Nội.

- Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn tặng Huy chương vàng chất lượng cao cho công trình năm 2000 - 2001.

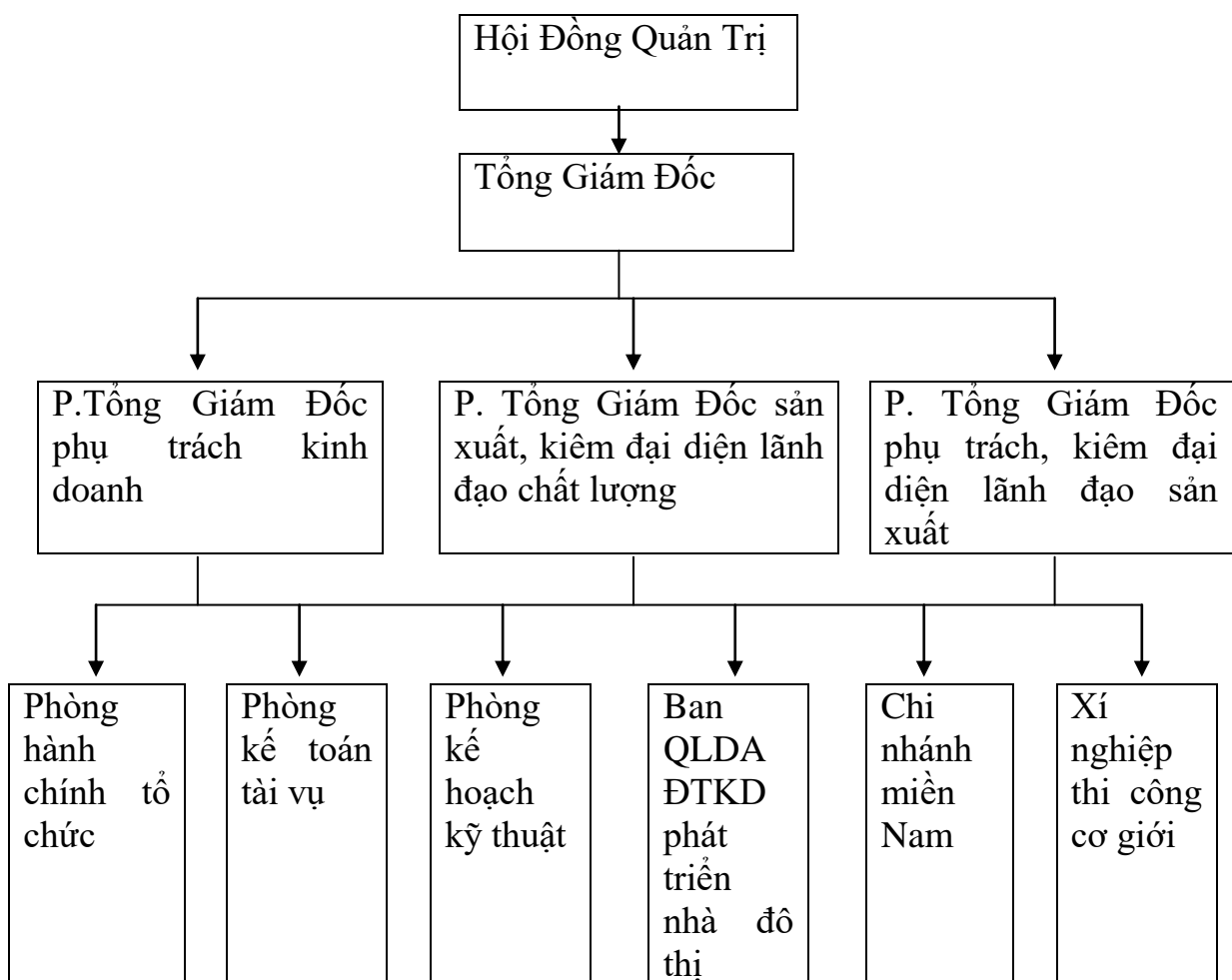
+ Xây dựng kè đê biển I - Đồ Sơn - Hải Phòng

- + Xây dựng công trình Công Cỗ Tiều 3 - Kiến Thụy - Hải Phòng
- + Xây dựng công trình Cống Liên Mạc - Từ Liêm - Hải Phòng
- + Xây dựng công trình Trạm bơm Long Động - Hải Phòng
- + Xây dựng công trình Cống Đông Xuân - Thủy Nguyên - Hải Phòng
- + Xây dựng công trình Trạm bơm Cộng Hiền - Hải Phòng

Năm 2002, 2004 Công ty Cổ phần Xây dựng thủy lợi Hải Phòng được UBND thành phố Hải Phòng tặng cờ và cúp "1 trong 10 doanh nghiệp tiêu biểu" của Thành phố. Công ty Cổ phần Xây dựng thủy lợi Hải Phòng thường xuyên coi trọng và phát huy năng lực về kinh nghiệm.

2.1.3. Cơ cấu tổ chức của công ty và cơ cấu tổ chức kế toán của công ty

2.1.3.1. Cơ cấu tổ chức của công ty



Sơ đồ 2.1 : Tổ chức bộ máy quản lý của công ty Cổ phần xây dựng Thủy lợi Hải Phòng

Công ty cổ phần xây dựng Thủy lợi Hải Phòng hoạt động theo mô hình 2 cấp là Cấp công ty và Cấp xí nghiệp. Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của công ty được thể hiện theo sơ đồ 1.

+ Đứng đầu là Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý cấp cao nhất, HĐQT có các thành viên đại diện là những người có liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động của công ty. HĐQT có quyền quyết định định chỉ và rút giấy phép thành viên, chấp thuận kế hoạch và ngân sách hàng năm của công ty. Ban hành và sửa đổi các quy chế hoạt động, giám sát hoạt động của thành viên. Ngoài ra HĐQT có thể giao một số quyền cho Tổng giám đốc trong điều hành.

+ Ban giám đốc gồm Tổng giám đốc và các Phó tổng giám đốc gồm 3 Phó tổng giám đốc.

+ Tổng giám đốc là đại diện pháp nhân của Công ty, chịu trách nhiệm trước Nhà nước và pháp luật về toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Nhận vốn, tài sản và các nguồn nhân lực khác do cấp trên giao để quản lý, sử dụng đúng mục đích. Tổng giám đốc có quyền hợp tác đầu tư, liên doanh, liên kết, góp vốn, quyết định các vấn đề về điều hành chỉ đạo chung toàn công ty.

+ Các Phó tổng giám đốc là người giúp cho giám đốc việc phân công và ủy quyền chịu trách nhiệm trong 1 số lĩnh vực quản lý chuyên môn, chịu trách nhiệm trước giám đốc và pháp luật về phần việc được giám đốc phân công và ủy nhiệm.

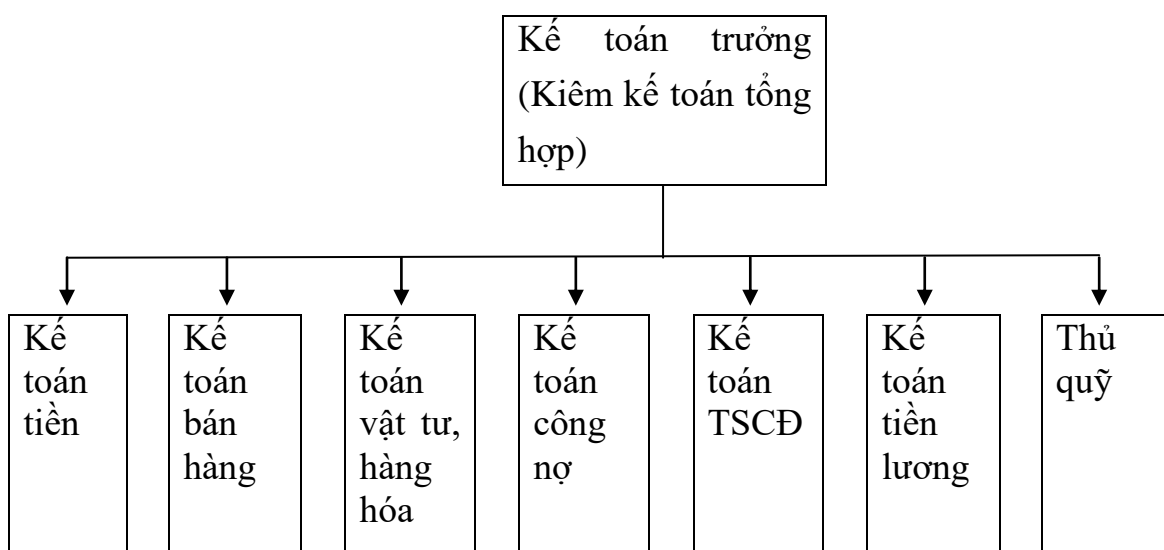
+ Phòng hành chính tổ chức có chức năng tham mưu cho Công ty về công tác cán bộ, công tác tuyển dụng nhân sự, theo dõi tiền lương và các chính sách về tiền lương, quỹ lương, chế độ của công nhân viên trong công ty.

+ Phòng tài chính kế toán tham mưu cho giám đốc về công tác tài chính kế toán trong công ty nhằm đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả, bảo toàn vốn. Giám sát đầu tư tài chính và công tác kế toán trên toàn công ty. Tìm kiếm khai thác nguồn tài chính đã đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh của công ty.

+ Phòng kế hoạch kỹ thuật tham mưu cho lãnh đạo Công ty về công tác sản xuất kinh doanh, về chiến lược phát triển của công ty, tìm hiểu tiếp cận thị trường xây dựng cơ bản, thường xuyên báo cáo diễn biến trên thị trường xây dựng cơ bản. Soạn thảo hợp đồng với chủ đầu tư và các đối tác, lên kế hoạch sản xuất, kế hoạch vật tư. Lập kế hoạch theo dõi đôn đốc việc thực hiện các hợp đồng đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, tiến độ. Giám sát, quản lý chất lượng tiến độ các công trình, nghiệm thu nội bộ.

+ Ban quản lý dự án đầu tư kinh doanh và phát triển nhà đô thị có nhiệm vụ tiếp xúc, thăm dò thị trường nhà đô thị, xem xét khả năng kinh doanh và huy động các nguồn vốn để chọn hình thức đầu tư, triển khai các dự án đã được duyệt. Bàn giao đưa công trình vào sử dụng, quản lý và sử dụng có hiệu quả cao nhất đối với các tài sản. Việc thanh toán các hạng mục theo hợp đồng phải thực hiện trên cơ sở có đầy đủ hồ sơ nghiệm thu theo quy định xây dựng cơ bản. Thực hiện công tác tổ chức và quản lý lao động theo phân cấp của Công ty và chế độ chính sách của Nhà nước.

2.1.4. Cơ cấu tổ chức bộ máy kế toán của công ty



Sơ đồ 2.2 : Cơ cấu tổ chức bộ máy kế toán tại công ty Cổ phần xây dựng Thủy lợi Hải Phòng

Công tác kế toán của công ty do một phòng kế toán chuyên đảm nhận. Trong phòng gồm: kế toán trưởng và các kế toán viên phụ trách từng nhiệm vụ riêng như kế toán vật tư, kế toán lương, thủ quỹ,... Phòng kế toán chịu sự chỉ đạo trực tiếp từ Tổng giám đốc, kế toán trưởng.

Toàn bộ công tác kế toán của công ty tuân theo những nguyên tắc kế toán đã định, phù hợp với các chế độ, đặc điểm kinh doanh, quy mô và địa bàn hoạt động sản xuất kinh doanh... Chính vì thế, công tác kế toán luôn đạt kết quả tốt, phòng kế toán của công ty là nơi trực tiếp thực hiện công tác kế toán. Phòng kế toán của công ty đã có những thành tích xuất sắc qua các năm.

Phòng kế toán của công ty có 8 người: 1 kế toán trưởng, , 7 kế toán viên phụ trách các phân hành kế toán.

- Kế toán trưởng: Là người đứng đầu trong phòng Kế toán của công ty. Chịu trách nhiệm trước ban giám đốc và công ty về quản lý tài chính, thu hồi công nợ và việc sử dụng vốn của công ty. Kế toán trưởng có trách nhiệm tổ chức hạch toán ở công ty, xác định hình thức kế toán áp dụng cho toàn bộ công ty, cung cấp thông tin kinh tế giúp cho ban giám đốc về công tác chuyên môn, kiểm tra tài chính. Kế toán trưởng chịu trách nhiệm về toàn bộ hoạt động của bộ máy kế toán công ty, duyệt chi, thanh toán các khoản vốn của công ty cho các bộ phận liên quan như các xí nghiệp, phòng ban khi các công trình hoàn thành bàn giao.

- Kế toán tiền: có nhiệm vụ ghi chép và theo dõi các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến thu - chi tiền mặt và tiền gửi ngân hàng. Kế toán tiền mặt thì phải mở sổ quỹ tiền mặt ghi chép các nghiệp vụ theo thứ tự và kiểm kê thường xuyên. Kế toán tiền gửi ngân hàng: phụ trách về các khoản giao dịch với khách hàng như gửi tiền, rút tiền, chuyển - nhận tiền qua các tài khoản tại ngân hàng. Có trách nhiệm mở sổ chi tiết tiền gửi ngân hàng và theo dõi liên tục theo từng tài khoản ở ngân hàng để tiện cho việc kiểm tra đối chiếu.

- Kế toán bán hàng: có trách nhiệm cập nhật các hóa đơn bán hàng, chủ yếu từ các đơn đặt hàng của Nhà nước. Theo dõi tổng hợp và chi tiết hàng bán ra, thuế GTGT của hàng bán ra.

- Kế toán vật tư, hàng hóa: có nhiệm vụ thực hiện lập phiếu nhập xuất kho mỗi lần nhập hay xuất kho, vào sổ chi tiết theo dõi nhập xuất tồn theo từng mặt hàng trong kho. Định kỳ đối chiếu kiểm kê giữa kho và sổ theo dõi tồn kho. Sau khi kiểm kê phải lập biên bản ghi lại để xử lý.

- Kế toán công nợ: có trách nhiệm theo dõi công nợ phải thu khách hàng và nợ phải trả nhà cung cấp, chịu trách nhiệm quản lý và kiểm tra, đối chiếu dữ liệu công nợ trên chứng từ, sổ sách. Kế toán công nợ phải thu kết hợp số liệu với kế toán bán hàng, kế toán tiền để có thể lên được báo cáo công nợ và chuyển số liệu sang cho kế toán tổng hợp.

- Kế toán TSCĐ: có nhiệm vụ ghi chép, phản ánh số liệu về số lượng và giá trị TSCĐ hiện có, tình hình tăng, giảm và di chuyển TSCĐ, kiểm tra việc bảo quản, bảo dưỡng và sử dụng TSCĐ. Tính toán và lập khấu hao TSCĐ theo chế độ quy định. Lập dự toán sửa chữa lớn TSCĐ, giám sát việc sửa chữa, kiểm kê và đánh giá lại TSCĐ theo quy định.

- Kế toán tiền lương: có trách nhiệm ghi chép, phản ánh kịp thời, đầy đủ tình hình lao động của công ty. Kế toán hạch toán dựa vào các yếu tố: bảng chấm công, bảng theo dõi công tác, phiếu làm thêm giờ, hợp đồng lao động, hợp đồng khoán... để lập bảng tính, thanh toán lương và bảo hiểm xã hội cho người lao động. Thực hiện việc kiểm tra tình hình chấp hành các chính sách, chế độ về lao động tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và kinh phí công đoàn. Kiểm tra tình hình sử dụng quỹ lương, quỹ BHXH, BHYT, KPCĐ.

- Kế toán thuế TNDN: do kế toán tổng hợp thực hiện. Có trách nhiệm làm việc với cơ quan thuế khi có phát sinh. Thực hiện tổng hợp tính toán, nộp hồ sơ khai thuế và thuế TNDN đúng hạn. Cập nhập kịp thời các thông tin về chính sách thuế để thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Nhà nước.

- Thủ quỹ: có trách nhiệm thực hiện thu - chi tiền mặt đúng trong phạm vi trách nhiệm của người thủ quỹ, kiểm đếm thu - chi tiền mặt chính xác và bảo quản an toàn quỹ tiền mặt của công ty, hạch toán chính xác đầy đủ nghiệp vụ và làm báo cáo quỹ tiền mặt.

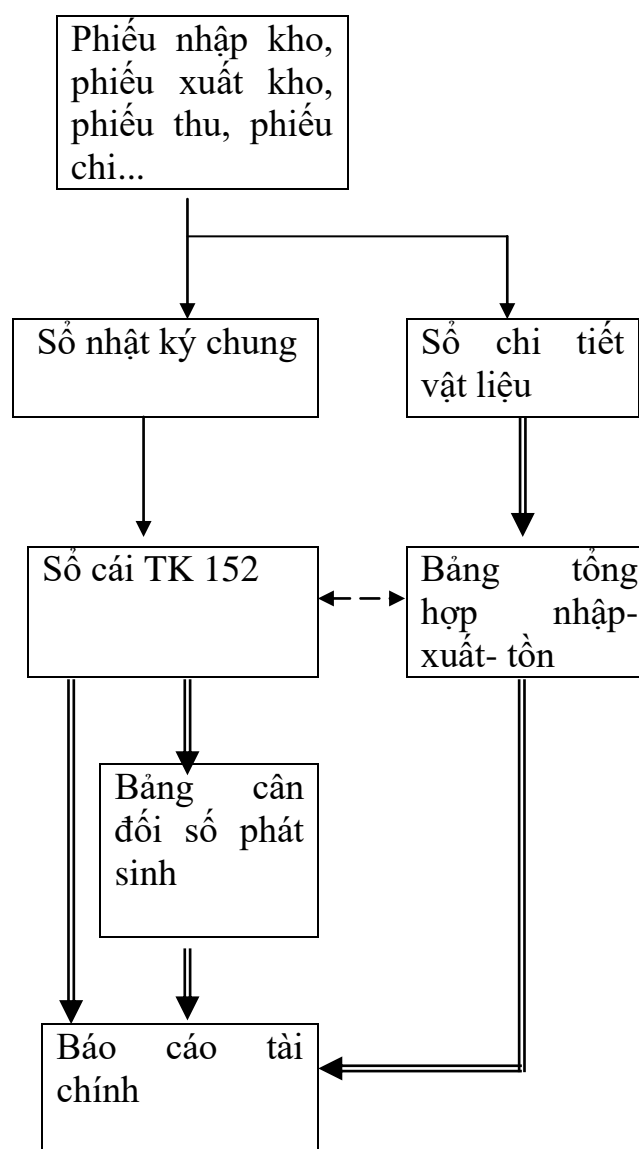
2.1.5. Hình thức kế toán tại công ty Cổ phần xây dựng Thủy lợi Hải Phòng.

Công tác kế toán của công ty được tổ chức tập chung tại phòng kế toán từ khâu tổng hợp số liệu, ghi sổ kế toán đến lập báo cáo tài chính. Dựa theo đặc điểm kinh doanh công ty đang áp dụng hình thức kế toán: Nhật ký chung.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VNĐ).

Chế độ kế toán áp dụng: Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán: Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.



Ghi chú:

Ghi hàng ngày \longrightarrow

Ghi cuối tháng, định kỳ \Longrightarrow

Đối chiếu, kiểm tra \longleftrightarrow

Sơ đồ 2.3: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức nhật ký chung tại công ty cổ phần xây dựng Thủy lợi Hải Phòng

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký chung là: Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ Nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi sổ cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

Hình thức ghi sổ kế toán - Nhật ký chung bao gồm các loại sổ như sau

- Sổ nhật ký chung, sổ nhật ký đặc biệt
- Sổ cái
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết
- * Trình tự luân chuyên chứng từ.

Hàng ngày căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ Cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Nếu đơn vị có mở sổ, thẻ kế toán chi tiết thì đồng thời với việc ghi sổ Nhật ký chung, các nghiệp vụ phát sinh sẽ được ghi vào các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan

Trường hợp đơn vị mở sổ Nhật ký đặc biệt thì hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ được dùng làm căn cứ ghi sổ, ghi trên nghiệp vụ phát sinh vào Sổ Nhật ký đặc biệt liên quan. Định kỳ (3, 5, 10... ngày) hoặc cuối tháng, tùy khối lượng nghiệp vụ phát sinh, tổng hợp từ sổ Nhật ký đặc biệt, lấy số liệu để ghi vào các tài khoản phù hợp trên Sổ Cái, sau khi đã loại trừ đi số trùng lặp do một nghiệp vụ được ghi vào nhiều sổ Nhật ký đặc biệt (nếu có)

Cuối tháng, cuối quý, cuối năm, cộng số liệu trên Sổ Cái, lập Bảng cân đối số phát sinh. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu đúng, số liệu ghi trên Sổ Cái và bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập Báo cáo tài chính. Về nguyên tắc, Tổng phát sinh Nợ phải bằng Tổng phát sinh Có trên Sổ Nhật ký chung

2.2. Thực trạng công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty

2.2.1. Đặc điểm công tác kế toán nguyên vật liệu

2.2.1.1. Các loại nguyên vật liệu.

Thuộc loại hình doanh nghiệp xây dựng nên nguyên vật liệu có rất nhiều loại, đơn giản như cọc tre, gỗ, nứa... cho tới những nguyên vật liệu chính như sắt, thép, cát, đá,... Nên bắt buộc phải phân chia thành các loại nguyên vật liệu.

2.2.1.2. Phân loại nguyên vật liệu.

Trong loại hình doanh nghiệp xây dựng nguyên vật liệu bao gồm nhiều thứ với nội dung kinh tế, công dụng, tính năng lý hóa và yêu cầu quản lý khác nhau. Vì vậy, để quản lý từng loại nguyên vật liệu phục vụ cho công tác quản trị doanh nghiệp cần phải tiến hành phân loại nguyên vật liệu như sau:

Nguyên vật liệu chính: là những loại vật liệu khi tham gia vào quá trình sản xuất nó cấu thành thực thể vật chất của sản phẩm như gạch, cát, sỏi, đá, xi măng,...

Nguyên vật liệu phụ: là những loại vật liệu khi tham gia vào quá trình sản xuất không cấu thành thực thể chính của sản phẩm, mà nó có thể kết hợp với nguyên vật liệu chính để cấu thành nên sản phẩm.

Nhiên liệu: gồm các loại nhiên liệu ở thể lỏng, khí, rắn như xăng, dầu, than, hơi đốt, để sử dụng chạy máy móc thiết bị dùng cho sản xuất.

Phụ tùng thay thế: Là các chi tiết bộ phận dùng để thay thế sửa chữa máy móc thiết bị sản xuất, phương tiện vận tải,...

Vật liệu và thiết bị xây dựng cơ bản: Bao gồm các thiết bị như công cụ khí cụ và vật kết cấu dùng để lắp đặt các công trình xây dựng cơ bản.

Phế liệu: là các vật liệu loại ra trong quá trình sản xuất sản phẩm như gỗ, thép, sắt vụn hoặc phế liệu thu hồi được trong quá trình thanh lý TSCĐ.

2.2.1.3. Phương pháp tính giá.

Tại công ty Cổ phần xây dựng Thủy lợi Hải Phòng, nguyên vật liệu được sử dụng bao gồm nhiều chủng loại khác nhau, có tính năng công dụng khác nhau. Do vậy, tổ chức thu mua, xuất dùng và hạch toán chi phí nguyên vật liệu luôn luôn phải gắn chặt với nhau.

Do xác định được tầm quan trọng như vậy, công ty luôn chú trọng tới việc quản lý, sử dụng nguyên vật liệu từ khâu thu mua, vận chuyển cho tới khi đưa vào sử dụng và cả trong quá trình lưu thông.

Dựa trên kế hoạch cung ứng vật tư, phòng kế hoạch sản xuất kinh doanh cần lấy báo giá vật tư, lập bảng dự trù mua nguyên vật liệu về nhập kho, sau đó cấp cho các đội thi công.

Ngoài vật tư cấp phát từ xí nghiệp để phục vụ cho quá trình thi công, các đội có nhu cầu mua nguyên vật liệu sử dụng thì lập giấy tạm ứng kèm theo hợp đồng mua bán cung cấp vật tư hoặc giấy báo giá vật tư cho phòng kế toán. Phòng kế toán xí nghiệp căn cứ vào dự toán thi công để kiểm tra tính hợp lý, hợp lệ của nội dung tạm ứng, sau đó chuyển tiền cho đơn vị bán hàng. Hiện nay, các xí nghiệp chủ yếu sử dụng phương thức mua chuyển thẳng nguyên vật liệu tới chân công trình theo tiến độ thi công thực tế tại công trường trên cơ sở báo về của đội trưởng. Giá vật liệu sử dụng cho việc tính chi phí vật liệu trực tiếp của các công trình là giá thực tế của vật liệu.

- Đối với nguyên vật liệu do các đội thi công mua xuất thẳng cho công trình, giá nguyên vật liệu được tính như sau:

$$\text{Giá vật liệu xuất} \\ \text{dùng sử dụng cho} \\ \text{công trình} = \text{Giá mua theo hóa đơn} + \text{Chi phí thu mua vận} \\ \text{chuyển}$$

- Giá thực tế nhập kho:

Tùy theo từng nguồn nhập mà cấu thành giá thực tế nhập kho của nguyên vật liệu cụ thể:

- Đối với nguyên vật liệu mua ngoài: dùng vào hoạt động xây lắp thuộc đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ:

$$\begin{array}{l} \text{Trị giá} \\ \text{thực tế của} \\ \text{nguyên vật} \\ \text{liệu nhập} \\ \text{kho trong} \\ \text{kỳ} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Trị giá mua} \\ \text{ghi trên} \\ \text{hóa đơn} \\ \text{(không bao} \\ \text{gồm thuế} \\ \text{GTGT)} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Thuế} \\ \text{nhập} \\ \text{khấu} \\ \text{(Nếu} \\ \text{có)} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí} \\ \text{trực tiếp} \\ \text{phát sinh} \\ \text{trong khâu} \\ \text{mua} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Các khoản} \\ \text{giảm giá và} \\ \text{trị giá hàng} \\ \text{mua trả lại} \end{array}$$

- Giá trị thực tế xuất kho:

Công ty sử dụng giá thực tế và phương pháp bình quân gia quyền liên hoàn để hạch toán nguyên vật liệu. Theo phương pháp này giá thực tế nguyên vật liệu xuất kho được tính trên cơ sở số lượng nguyên vật liệu xuất kho và đơn giá thực tế nhập kho của chính lô nguyên vật liệu xuất kho đó.

$$\text{Đơn giá bình quân} \\ \text{liên hoàn} = \frac{\text{Giá trị tồn trước nhập} + \text{Giá trị nhập}}{\text{Số lượng tồn trước nhập} + \text{Số lượng nhập}}$$

2.2.2. Quy trình kế toán chi tiết nguyên vật liệu tại công ty

Để làm công tác kế toán nguyên vật liệu công ty áp dụng phương pháp thẻ song song.

Quy trình làm việc theo phương pháp thẻ song song:

Ở kho: Thủ kho dùng “Thẻ kho” để ghi chép hàng ngày tình hình nhập xuất tồn của từng thứ vật tư theo chỉ tiêu số lượng.

Khi nhận chứng từ nhập xuất vật tư, Thủ kho phải kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp của chứng từ rồi tiến hành ghi chép số thực nhận, thực xuất vào chứng

từ và Thẻ kho; cuối ngày tính ra số tồn kho để ghi vào cột tồn trên Thẻ kho. Định kỳ, Thủ kho gửi các chứng từ nhập, xuất đã phân loại theo từng thứ vật tư cho phòng kế toán.

Ở phòng kế toán: Kế toán sử dụng sổ (Thẻ) kế toán chi tiết để ghi chép tình hình nhập xuất cho từng thứ vật tư theo cả hai chỉ tiêu số lượng và giá trị.

Kế toán khi nhận được chứng từ nhập, xuất của Thủ kho gửi lên, kế toán kiểm tra lại chứng từ, hoàn chỉnh chứng từ; căn cứ vào các chứng từ nhập, xuất kho để ghi vào sổ (thẻ) kế toán chi tiết vật tư, mỗi chứng từ được ghi một dòng

Cuối tháng, kế toán lập bảng kê nhập- xuất- tồn, sau đó đối chiếu:

- + Đối chiếu sổ kế toán chi tiết với thẻ kho của thủ kho.
- + Đối chiếu số liệu dòng tổng cộng trên bảng kê nhập- xuất- tồn với số liệu trên sổ kế toán tổng hợp.
- + Đối chiếu số liệu trên sổ kế toán chi tiết với số liệu kiểm kê thực tế.

2.2.3. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu

2.2.3.1. Chứng từ sử dụng

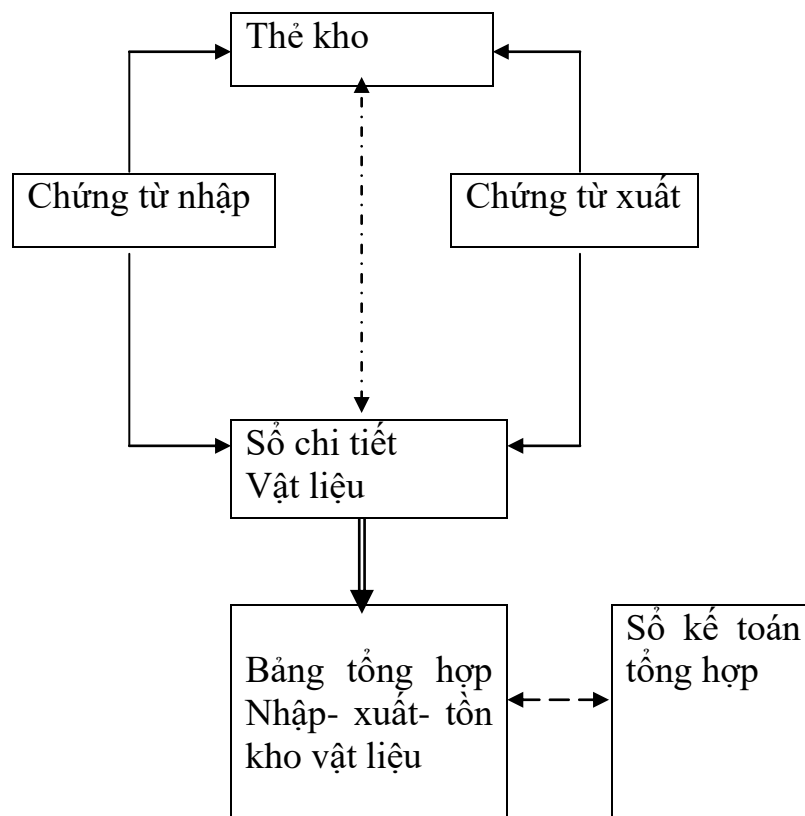
- Hóa đơn GTGT
- Phiếu nhập kho
- Phiếu xuất kho
- Giấy đề nghị lĩnh vật tư

2.2.3.2. Tài khoản sử dụng

TK 152 - Nguyên vật liệu

Công ty sử dụng tài khoản 152 để phản ánh giá trị hiện có và tình hình biến động các loại nguyên vật liệu.

2.2.3.3. Quy trình hạch toán



Ghi chú: → ghi hàng ngày
 ==> ghi cuối tháng
 <- - - -> đối chiếu kiểm tra

Sơ đồ 2.4: Kế toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp thẻ song song

2.2.3.4. Ví dụ minh họa:

VD1: Ngày 2/10 mua nguyên vật liệu về nhập kho của Công ty phân phối vật liệu Hoàng Gia loại vật liệu sau:

- Xi măng FICO: SL 150 bao; ĐG 74.000vnd/bao

Nợ TK 152: 11.100.000

Nợ TK 133: 1.110.000

Có TK 331: 12.210.000

VD2: Ngày 8/10 xuất xi măng FICO ra công trường phục vụ sản xuất.

Nợ TK 621: 7.373.000

Có TK 152: 7.373.000

Đầu tháng 10:

- Tồn 175 bao, ĐG 73.500/ bao

- Ngày 2/10 nhập 150 bao, ĐG 74.000/ bao

- Ngày 8/10 xuất 100 bao, ĐG 73.730/ bao

$$\begin{aligned} \text{Đơn giá xuất} &= \frac{(175 \times 73.500) + (150 \times 74.000)}{175 + 150} \\ &= 73.730 \end{aligned}$$

VD3: Ngày 4 /10 mua nguyên vật liệu về nhập kho của Công ty TNHH Nhật Vũ loại vật liệu sau:

- Gạch Đồng Tâm 8080PLATIUM002 xám vân đá: SL 80 hộp; ĐG 561.000đ/hộp 3 viên

Nợ TK 152: 44.880.000

Nợ TK 133: 4.488.000

Có TK 331: 49.368.000

VD4: Ngày 9/10 xuất Gạch Đồng Tâm 8080PLATIUM002 xám vân đá phục vụ sản xuất.

Nợ TK 621: 33.611.100

Có TK 152: 33.611.100

Đầu tháng 10:

- Tồn 55 hộp, ĐG 559.000/ bao

- Ngày 4/10 nhập 80 hộp, ĐG 561.000/ bao
- Ngày 9/10 xuất 60 hộp, ĐG 560.185/ bao

$$\begin{aligned} \text{Đơn giá xuất} &= \frac{(55 \times 559.000) + (80 \times 561.000)}{55 + 80} \\ &= 560.185 \end{aligned}$$

- +) Căn cứ vào HĐ GTGT 0039330 và HĐ GTGT 0038678 (biểu 2.1; biểu 2.3) , Phiếu nhập PN 289 và phiếu nhập PN 291 (biểu 2.2; biểu 2.4)
 - > Kế toán ghi sổ chi tiết vật liệu (biểu 2.9; biểu 2.11)
 - > Thủ kho ghi thẻ kho Xi măng FICO (biểu 2.10), thẻ kho Gạch Đồng Tâm 8080PLATIUM002 xám vân đá (biểu 2.12)

Biểu 2.1: Hóa đơn GTGT

HÓA ĐƠN			Mẫu số: 01GTKT3/001		
GIÁ TRỊ GIA TĂNG			Ký hiệu: AA/11P		
<i>Liên 2: Giao khách hàng</i>			Số: 0 0 3 9 3 3 0		
<i>Ngày 2 tháng 10 năm 2018</i>					
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY PHÂN PHỐI VẬT LIỆU HOÀNG GIA					
Mã số thuế: 0 2 0 0 9 0 4 8 2 0					
Địa chỉ: Sô 34/ 2B, Trang quan, An Đông, An Dương, Hải Phòng					
Số điện thoại: 0225 3852 402 Số tài khoản: 0101001131599					
Họ tên người mua hàng:					
Tên đơn vị: Công ty cổ phần xây dựng Thủy lợi Hải Phòng					
Mã số thuế: 0 2 0 0 1 1 0 2 9 6					
Địa chỉ: Km 57, QL 10, Trường Sơn, An Lão, Hải Phòng					
Hình thức thanh toán: CK			Số tài khoản: 030031925068		
ST T	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6 = 4 x 5)
1	Xi măng FICO	Bao 50kg	150	74.000	11.100.000
Cộng tiền hàng:					11.100.000
Thuế suất GTGT: 10%				Tiền thuế GTGT:	1.110.000
				Tổng cộng tiền thanh toán:	12.210.000
Số tiền viết bằng chữ: Mười hai triệu hai trăm mười nghìn đồng.					
Người mua hàng <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		Người bán hàng <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		Thủ trưởng đơn vị <i>(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)</i>	

Biểu 2.2: Phiếu nhập khoĐơn vị: **CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG THỦY LỢI HẢI PHÒNG**Mẫu số: **01 – VT**Địa chỉ: **Km 57 QL 10 Trường Sơn, An Lão, Hải Phòng***(Ban hành theo Thông tư số: 200/2014/TT –BTC**Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính))***PHIẾU NHẬP KHO**

Nợ: 152

Ngày 2 tháng 10 năm 2018

Có: 331

Số: 289

Họ tên người giao: Hoàng Văn Mạnh

Theo: HĐ GTGT số 0039330 ngày 2 tháng 10 năm 2018

Nhập tại kho: Vật tư

Địa điểm: KM 57, QL 10, Trường sơn, An lão, HP

S T T	Tên nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo chứng từ	Thực nhập		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Xi măng FICO		Bao 50 kg	150	150	74.000	11.100.000
	Cộng	x	x	x	x	x	11.100.000

- Tổng số tiền (viết bằng chữ): Mười một triệu một trăm nghìn đồng.

- Số chứng từ gốc kèm theo: 01

Ngày 2 tháng 10 năm 2018

Người lập phiếu

(Ký, họ tên)

Người giao hàng

(Ký, họ tên)

Thủ kho

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng**hoặc bộ phận nhận**

(Ký, họ tên)

Biểu 2.3: Hóa đơn GTGT

HÓA ĐƠN				Mẫu số: 01GTKT3/001			
GIÁ TRỊ GIA TĂNG				Ký hiệu: AA/11P			
<i>Liên 2: Giao khách hàng</i>				Số: 0 0 3 8 6 7 8			
<i>Ngày 4 tháng 10 năm 2018</i>							
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY PHÂN PHỐI VẬT LIỆU HOÀNG GIA							
Mã số thuế: 0 2 0 0 4 7 1 0 0 4							
Địa chỉ: Số 230/ 25, Trường Thành, An Lão, Hải Phòng							
Số điện thoại: 0225 3518 618 Số tài khoản: 0101201230402							
Họ tên người mua hàng:							
Tên đơn vị: Công ty cổ phần xây dựng Thủy lợi Hải Phòng							
Mã số thuế: 0 2 0 0 1 1 0 2 9 6							
Địa chỉ: Km 57, QL 10, Trường Sơn, An Lão, Hải Phòng							
Hình thức thanh toán: CK Số tài khoản: 030031925068							
ST T	Tên hàng hóa, dịch vụ			Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
(1)	(2)			(3)	(4)	(5)	(6 = 4 x 5)
1	Gạch Đồng Tâm 8080PLATIUM002 vân đá xám			Hộp 3 viên	80	561.000	44.880.000
Cộng tiền hàng:						44.880.000	
Thuế suất GTGT: 10%						Tiền thuế GTGT:	4.488.000
Tổng cộng tiền thanh toán:						49.368.000	
Số tiền viết bằng chữ: Bốn mươi chín triệu ba trăm sáu mươi tám nghìn đồng.							
Người mua hàng <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		Người bán hàng <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		Thủ trưởng đơn vị <i>(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)</i>			

Biểu 2.4: Phiếu nhập khoĐơn vị: **CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG THỦY LỢI HẢI PHÒNG**Mẫu số: **01 – VT**Địa chỉ: **Km 57 QL 10 Trường Sơn, An Lão, Hải Phòng***(Ban hành theo Thông tư số: 200/2014/TT –BTC**Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính))***PHIẾU NHẬP KHO**

Nợ: 152

Ngày 4 tháng 10 năm 2018

Có: 331

Số: 291

Họ tên người giao: **Bùi Đức Huy**Theo: **HĐ GTGT số 0038678 ngày 4 tháng 10 năm 2018**Nhập tại kho: **Vật tư**Địa điểm: **KM 57, QL 10, Trường sơn, An lão, HP**

S T T	Tên nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo chứng từ	Thực nhập		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Gạch Đồng Tâm 8080PLATIUM002 xám vân đá		Hộp 3 viên	80	80	561.000	44.880.000
	Cộng	x	x	x	x	x	44.880.000

- Tổng số tiền (viết bằng chữ): **Bốn mươi bốn triệu tám trăm tám mươi tám nghìn đồng.**

- Số chứng từ gốc kèm theo: **01**

Ngày 4 tháng 10 năm 2018

Người lập phiếu

(Ký, họ tên)

Người giao hàng

(Ký, họ tên)

Thủ kho

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng
hoặc bộ phận nhận**

(Ký, họ tên)

Biểu 2.5: Phiếu xin lĩnh vật tư**Đơn vị:** Công ty Cổ Phần Xây dựng Thủy lợi Hải Phòng**Địa chỉ:** Km 57, QL 10, Trường sơn, An lão, Hải Phòng**GIẤY ĐỀ NGHỊ LĨNH VẬT TƯ**

Cấp cho: phân xưởng xây lắp số 1

STT	Tên vật liệu	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Xi măng FICO	bao 50kg	100	

Ngày 8 tháng 10 năm 2018

Giám đốc
(Ký, họ tên)**Trưởng phòng vật tư**
(Ký, họ tên)**Chỉ huy phân xưởng**
(Ký, họ tên)**Người lập**
(Ký, họ tên)

Biểu 2.6: Phiếu xuất kho**Đơn vị:** Công ty Cổ Phần Xây dựng Thủy lợi Hải phòng**Mẫu số 02 - VT****Bộ phận:** Vật tư*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC**Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***PHIẾU XUẤT KHO**

Ngày 8 tháng 10 năm 2018

Số: 295

Nợ: TK 621

Có: TK 152

- Họ tên người nhận hàng: Hoàng Việt Long
Bộ phận: Phân xưởng xây lắp số 1
- Lý do xuất kho: xuất phục vụ sản xuất
- Xuất tại kho: vật tư Địa điểm:

STT	Tên nhãn hiệu quy cách phẩm chất vật tư, dụng cụ sản phẩm hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Xi măng FICO		bao 50kg	100	100	73.730	7.373.000
	Cộng		x	x	x	x	7.373.000

Tổng số tiền (viết bằng chữ): Bảy triệu ba trăm bảy mươi ba nghìn đồng.

Số chứng từ gốc kèm theo: 01

Ngày 8 tháng 10 năm 2018

Người lập phiếu

(Ký, họ tên)

Người giao hàng

(Ký, họ tên)

Thủ kho

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Biểu 2.7: Phiếu xin lĩnh vật tư**Đơn vị:** Công ty Cổ Phần Xây dựng Thủy lợi Hải phòng**Địa chỉ:** Km 57, QL 10, Trường sơn, An lão, Hải Phòng**GIẤY ĐỀ NGHỊ LĨNH VẬT TƯ**

Cấp cho: phân xưởng xây lắp số 1

STT	Tên vật liệu	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Gạch Đồng Tâm 8080PLATIUM002 xám vân đá	hộp 3 viên	60	

Ngày 9 tháng 10 năm 2018

Giám đốc

(Ký, họ tên)

Trưởng phòng vật tư

(Ký, họ tên)

Chỉ huy phân xưởng

(Ký, họ tên)

Người lập

(Ký, họ tên)

Biểu 2.8: Phiếu xuất kho**Đơn vị:** Công ty Cổ Phần Xây dựng Thủy lợi Hải phòng**Mẫu số 02 - VT****Bộ phận:** Vật tư*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC**Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***PHIẾU XUẤT KHO**

Ngày 9 tháng 10 năm 2018

Số: 301

Số: TK 621

Số: TK 152

- Họ tên người nhận hàng: Trần Minh Dũng
Bộ phận: Phân xưởng xây lắp số 1
- Lý do xuất kho: xuất phục vụ sản xuất
- Xuất tại kho: vật tư Địa điểm:

STT	Tên nhãn hiệu quy cách phẩm chất vật tư, dụng cụ sản phẩm hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Gạch Đồng Tâm 8080PLATIUM002 xám vân đá		hộp 3 viên	60	60	560.185	33.611.100
	Cộng		x	x	x	x	33.611.100

Tổng số tiền (viết bằng chữ): Ba mươi ba triệu sáu trăm mười một nghìn một trăm đồng.

Số chứng từ gốc kèm theo: 01

Ngày 9 tháng 10 năm 2018

Người lập phiếu**Người giao hàng****Thủ kho****Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

Biểu 2.9: Sổ chi tiết nguyên vật liệuĐơn vị: **CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG THỦY LỢI HẢI PHÒNG**Mẫu số: **S10-DN**Địa chỉ: **Km 57 QL 10 Trường Sơn, An Lão, Hải Phòng**(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)**SỔ CHI TIẾT NGUYÊN VẬT LIỆU**

Tháng 10 năm 2018

Tài khoản: 152

Tại kho: Vật tư

Tên, quy cách nguyên vật liệu: Xi măng FICO

Đơn vị tính: Đồng

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn		G C
	Số hiệu	NT				SL	TT	SL	TT	SL	TT	
A	B	C	D	E	1	2	3=2x1	4	5=4x1	6	7=6x1	
			Tồn đầu tháng 10		73.500					175	12.862.500	
2/10	PN 289	2/10	Mua xi măng FICO nhập kho	331	74.000	150	11.100.000			325	23.887.500	
8/10	PX 295	8/10	Xuất xi măng FICO phục vụ sx	621	73.730			100	7.373.000	225	16.514.500	
10/10	PN 209	10/10	Mua xi măng FICO nhập kho		74.000	200	14.800.000			425	31.314.500	
15/10	PN 308	15/10	Mua xi măng FICO nhập kho		74.000	180	13.320.000			605	44.634.500	
			...									
			...									
			Cộng PS tháng 10			1700	128.800.000	1000	72.864.000			
			Tồn cuối tháng 10							875	68.798.000	

- Sổ này có ... trang, đánh số từ...

- Ngày mở sổ: ...

Ngày 31 tháng 10 năm 2018

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 2.10: Thẻ khoĐơn vị: **CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG THỦY LỢI HẢI PHÒNG**Mẫu số: **S12-DN**Địa chỉ: **Km 57 QL 10 Trường Sơn, An Lão, Hải Phòng***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***THẺ KHO**

Ngày lập thẻ: ngày 01 tháng 10 năm 2018

Tờ số: 10

- Tên nhãn hiệu, quy cách vật tư: Xi măng FICO
- Đơn vị tính: bao 50kg
- Mã số: XM-050

S T T	Ngày tháng	Số hiệu		Diễn giải	Ngày nhập, xuất	Số lượng			Ký xác nhận của kế toán
		Nhập	Xuất			Nhập	Xuất	Tồn	
A	B	C	D	E	F	1	2	3	G
				Tồn đầu tháng 10				175	
1	2/10	PN 289		Nhập kho xi măng FICO	2/10	150		325	
2	8/10		PX 295	Xuất kho xi măng FICO phục vụ sản xuất	8/10		100	225	
	10/10	PN 299		Nhập kho thêm xi măng FICO	10/10	200		425	
	15/10	PN 308		Nhập kho thêm xi măng FICO	15/10	180		605	
					
				Cộng phát sinh		1700	1000		
				Tồn cuối tháng 10				875	

Ngày 31 tháng 10 năm 2018

Thủ kho*(Ký, họ tên)***Kế toán trưởng***(Ký, họ tên)***Giám đốc***(Ký, họ tên)*

Biểu 2.11: Sổ chi tiết nguyên vật liệuĐơn vị: **CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG THỦY LỢI HẢI PHÒNG****Mẫu số:S10-DN**Địa chỉ: **Km 57 QL 10 Trường Sơn, An Lão, Hải Phòng***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT –BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***SỔ CHI TIẾT NGUYÊN VẬT LIỆU**

Tháng 10 năm 2018

Tài khoản: 152

Tại kho: Vật tư

Tên, quy cách nguyên vật liệu:

Gạch Đồng Tâm 8080PLATIUM002 xám vân đá

Đơn vị tính: Đồng

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐU	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn		G C
	Số hiệu	NT				SL	TT	SL	TT	SL	TT	
A	B	C	D	E	1	2	3=2x1	4	5=4x1	6	7=6x1	
			Tồn đầu tháng 10		559.000					55	30.745.000	
4/10	PN 291	4/10	Nhập kho gạch PLA	331	561.000	80	44.880.000			135	75.465.000	
9/10	PX 301	9/10	Xuất kho gạch PLA phục vụ sx	621	560.185			60	33.611.100	75	41.853.900	
10/10	PN 302	10/10	Nhập kho gạch PLA		561.000	90	50.490.000			165	92.343.900	
12/10	PN 304	12/10	Nhập kho gạch PLA		561.000	30	16.830.000			195	109.173.900	
			...									
			...									
			Cộng PS tháng 10			900	501.632.000	670	372.862.000			
			Tồn cuối tháng 10							285	159.515.000	

- Sổ này có ... trang, đánh số từ...

- Ngày mở sổ: ...

Ngày 31 tháng 10 năm 2018

Người ghi sổ**Kế toán trưởng****Giám đốc**

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 2.12: Thẻ khoĐơn vị: **CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG THỦY LỢI HẢI PHÒNG****Mẫu số:S12-DN**Địa chỉ: **Km 57 QL 10 Trường Sơn, An Lão, Hải Phòng***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT –BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***THẺ KHO**

Ngày lập thẻ: ngày 01 tháng 10 năm 2018

Tờ số: 12

- Tên nhãn hiệu, quy cách vật tư: Gạch Đồng Tâm 8080PLATIUM002 xám vân đá
- Đơn vị tính: hộp 3 viên
- Mã số: GPLA-002

S T T	Ngày tháng	Số hiệu		Diễn giải	Ngày nhập, xuất	Số lượng			Ký xác nhận của kế toán
		Nhập	Xuất			Nhập	Xuất	Tồn	
A	B	C	D	E	F	1	2	3	G
				Tồn đầu tháng 10				55	
1	4/10	PN 291		Nhập kho gạch PLA	4/10	80		135	
2	9/10		PX 301	Xuất kho gạch PLA phục vụ sản xuất	9/10		60	75	
	10/10	PN 302		Nhập kho thêm gạch PLA	10/10	90		165	
	12/10	PN 304		Nhập kho thêm gạch PLA	12/10	30		195	
					
				Cộng phát sinh		900	670		
				Tồn cuối tháng 10				285	

Ngày 31 tháng 10 năm 2018

Thủ kho*(Ký, họ tên)***Kế toán trưởng***(Ký, họ tên)***Giám đốc***(Ký, họ tên)*

Biểu 2.13: Bảng tổng hợp nhập-xuất-tồnĐơn vị: **CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG THỦY LỢI HẢI PHÒNG**Địa chỉ: **Km 57 QL 10 Trường Sơn, An Lão, Hải Phòng****BẢNG TỔNG HỢP NHẬP - XUẤT - TỒN KHO HÀNG HÓA**

Tháng 10 năm 2018

TK 152: Nguyên vật liệu

Đơn vị tính : *Đồng*

Mã vật tư	Tên vật tư	ĐVT	Tồn đầu kỳ		Nhập trong Kỳ		Xuất trong kỳ			Tồn cuối kỳ	
			SL	TT	SL	TT	ĐG xuất kho	SL	TT	SL	TT
A	B	C	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
...
XM-050	Xi măng FICO	bao 50kg	175	12.862.500	1700	128.800.000	73.730	1000	72.864.000	875	68.798.000
...
GP-LA-002	Gạch Đồng Tâm 8080 PLATIUM 002 xám vân đá	hộp 3 viên	55	30.745.000	900	501.632.000	560.185	670	372.862.000	285	159.515.000
...
T-Ø6	Thép cuộn Ø6	kg	5400	75.330.000	4600	65.320.000	14.065	10000	140.650.000	0	0
T-Ø8	Thép cuộn Ø8	kg	2000	29.000.000	4000	61.200.000	11.275	5000	56.375.000	1000	14.500.000
...
	Tổng cộng			947.937.500		1.277.940.000			938.009.100		1.287.868.400

Ngày 31 tháng 10 năm 2018

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Người phê duyệt

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 2.14: Trích sổ Nhật ký chungĐơn vị: **CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG THỦY LỢI HẢI PHÒNG**Mã số: **S03a-DN**Địa chỉ: **Km 57 QL 10 Trường Sơn, An Lão, Hải Phòng***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT –BTC**Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính))***TRÍCH SỔ NHẬT KÝ CHUNG****Tháng 10 năm 2018**Đơn vị tính: *đồng*

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi số cái	STT dòng	SH TK	Số phát sinh	
	SH	NT					Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			...					
2/10	GTGT 330 PN 289	2/10	Nhập kho xi măng FICO			152 133 331	11.100.000 1.110.000	12.210.000
			...					
4/10	GTGT 678 PN 291	4/10	Nhập kho gạch PLA			152 133 331	44.880.000 4.488.000	49.368.000
			...					
8/10	PX- 295	8/10	Xuất kho xi măng FICO phục vụ sản xuất			621 152	7.373.000	7.373.000
			...					
9/10	PX- 301	9/10	Xuất kho gạch PLA phục vụ sản xuất			621 152	33.611.100	33.611.100
10/10	GTGT 689 PN 299	10/10	Nhập kho xi măng FICO			152 133 331	14.800.000 1.480.000	16.280.000
10/10	GTGT 712 PN 302	10/10	Nhập kho gạch PLA			152 133 331	50.490.000 5.049.000	55.539.000
			...					
12/10	GTGT 734 PN 304	12/10	Nhập kho gạch PLA			152 133 331	16.830.000 1.683.000	18.513.000
			...					
15/10	GTGT 745 PN 308	15/10	Nhập kho xi măng FICO			152 133 331	13.320.000 1.332.000	14.652.000
			...					
17/10	GTGT 750 PN 312	17/10	Nhập kho Thép cuộn Ø6			152 133 331	65.320.000 6.532.000	71.852.000
17/10	GTGT 532 PN 313	17/10	Nhập kho Thép cuộn Ø8			152 133 331	61.200.000 6.120.000	67.320.000
			...					
20/10	PX 310	20/10	Xuất kho thép cuộn Ø6			621 152	140.650.000	140.650.000
20/10	PX 311	20/10	Xuất kho thép cuộn Ø8			621 152	56.375.000	56.375.000
			...					
			Cộng phát sinh				7.543.743.100	7.543.743.100

- Sổ này có ... trang. Đánh số từ trang 01 đến trang ...

- Ngày mở sổ:

Người lập biểu*(Ký, họ tên)***Kế toán trưởng***(Ký, họ tên)***Giám đốc***(Ký, họ tên, đóng dấu)*

Biểu 2.15: Trích sổ cáiĐơn vị: **CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG THỦY LỢI HẢI PHÒNG**Mẫu số: **S03b-DN**Địa chỉ: **Km 57 QL 10 Trường Sơn, An Lão, Hải Phòng**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

TRÍCH SỔ CÁI

Tháng 10 năm 2018

Tên tài khoản: nguyên vật liệu

Số hiệu: 152

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	NKC		SH TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			- Số dư đầu Tháng 10				947.937.500	
			...					
2/10	PN 289	2/10	Nhập kho xi măng FICO			331	11.100.000	
			...					
4/10	PN 291	4/10	Nhập kho gạch PLA			331	44.880.000	
		
8/10	PX 295	8/10	Xuất kho xi măng FICO			621		7.373.000
			...					
9/10	PX 301	9/10	Xuất kho gạch PLA phục vụ sản xuất			621		33.611.100
10/10	PN 209	10/10	Nhập kho xi măng FICO			331	14.800.000	
10/10	PN 302	10/10	Nhập kho gạch PLA			331	50.490.000	
		
12/10	PN 304	12/10	Nhập kho gạch PLA			331	16.830.000	
		
15/10	PN 308	15/10	Nhập kho xi măng FICO			331	13.320.000	
		
17/10	PN 312	17/10	Nhập kho thép cuộn Ø6			331	65.320.000	
17/10	PN 313	17/10	Nhập kho thép cuộn Ø8			331	61.200.000	
		
20/10	PX 310	20/10	Xuất kho thép cuộn Ø6			621		140.650.000
20/10	PX 311	20/10	Xuất kho thép cuộn Ø8			621		56.375.000
		
			- Cộng số phát sinh tháng				1.277.940.000	938.009.100
			- Số dư cuối tháng				1.287.868.400	

- Sổ này có ... trang. đánh số từ trang ... đến trang ...

- Ngày mở sổ:

Người lập biểu
(Ký, họ tên)Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)Ngày 31 tháng 10 năm 2018
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

CHƯƠNG 3:**MỘT SỐ Ý KIẾN ĐỀ XUẤT NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG THỦY LỢI HẢI PHÒNG.****3.1. Nhận xét về công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty cổ phần xây dựng Thủy lợi Hải Phòng.**

Trong suốt quá trình từ khi thành lập công ty Công ty cổ phần xây dựng Thủy lợi Hải Phòng luôn có hướng phát triển tốt, trải qua nhiều giai đoạn khó khăn phức tạp về nhiều mặt nhất là từ khi có cơ chế kinh tế thị trường. Công ty cổ phần xây dựng Thủy lợi Hải Phòng có những bước tiến rõ rệt về nhiều mặt:

- Sản xuất kinh doanh có hiệu quả.
- Đảm bảo đời sống cho cán bộ công nhân viên ngày một khá.
- Không ngừng tăng cường đầu tư vốn vào việc xây dựng cơ sở vật chất và tích cực mua sắm trang thiết bị phục vụ sản xuất ngày một hoàn chỉnh hơn
- Hoàn chỉnh từng bước việc tổ chức sắp xếp lực lượng sản xuất với những mô hình thực sự có hiệu quả theo từng giai đoạn.
- Đào tạo và lựa chọn đội ngũ cán bộ, công nhân có đủ khả năng và trình độ để đáp ứng mọi yêu cầu sản xuất kinh doanh trong tình hình hiện tại.

Để công ty đứng vững và phát triển trong nền kinh tế thị trường có sự cạnh tranh như hiện nay đòi hỏi nhà quản lý phải quán triệt chất lượng toàn bộ công tác quản lý. Hạch toán kinh tế là bộ phận cấu thành của công cụ quản lý điều hành hoạt động kinh doanh của nhà nước trong quản lý lãnh đạo, chỉ đạo kinh doanh. Từ đó thực hiện đầy đủ chức năng, phản ánh và giám sát mọi hoạt động kinh tế, chính trị. Kế toán phải thực hiện những quy định cụ thể, thống nhất phù hợp với tính toán khách quan và nội dung yêu cầu của một cơ chế quản lý nhất định. Việc nghiên cứu cải tiến vào hoàn thiện công tác hạch toán vật liệu ở các doanh nghiệp là một vấn đề hết sức bức thiết đối với công ty cổ phần xây dựng Thủy lợi Hải Phòng thì cần thực hiện được các nguyên tắc sau:

- Kế toán vật liệu phải nắm vững chức năng, nhiệm vụ của hạch toán vật liệu. Trong hạch toán sản xuất kinh doanh, kế toán vật liệu phải đảm bảo cùng một lúc hai chức năng là phản ánh và giám sát quá trình nhập, xuất vật liệu

nhưng phải nhanh chóng kịp thời, cung cấp các thông tin chính xác phục vụ cho quản lý.

- Xuất phát từ những đặc trưng cụ thể của doanh nghiệp để tổ chức hạch toán vật liệu một cách hữu hiệu khách quan và tiết kiệm, kế toán phải ghi chép hạch toán đúng theo quy định và vận dụng đúng nguyên lý vào đơn vị mình.

- Kế toán phải căn cứ vào mô hình chung trong hạch toán, những quy định về ghi chép luân chuyển chứng từ của doanh nghiệp để hoàn thiện các sơ đồ hạch toán, ghi chép kế toán.

- Bảo đảm nguyên tắc phục vụ yêu cầu của hạch toán vật liệu theo thể chế và luật lệ mới về kế toán mà nhà nước ban hành.

3.1.1. Ưu điểm.

Với bộ máy quản lý phù hợp, các phòng ban chức năng phục vụ có hiệu quả giúp lãnh đạo công ty trong việc giám sát thi công, quản lý kinh tế, công tác tổ chức sản xuất, tổ chức hạch toán được tiến hành hợp lý, khoa học, phù hợp với điều kiện hiện nay. Phòng kế toán của công ty được bố trí hợp lý, phân công công việc cụ thể, rõ ràng công ty đã có đội ngũ nhân viên kế toán thạo nghề, có năng lực, nhiệt tình và trung thực.. đã góp phần đặc lực vào công tác hạch toán và quản lý kinh tế của công ty. Phòng kế toán của công ty đã sớm áp dụng thử nghiệm chế độ kế toán mới vào công tác kế toán nhật ký chung mà trước đó là áp dụng chứng từ ghi sổ. Áp dụng Nhật ký chung là hình thức kế toán mới có ưu điểm là hệ thống sổ sách tương đối gọn nhẹ, việc ghi chép đơn giản. Bộ máy kế toán đã biết vận dụng một cách linh hoạt, sáng tạo có hiệu quả chế độ kế toán trên máy vi tính theo hình thức nhật ký chung nhằm nâng cao trình độ cơ giới hóa công tác kế toán, phát huy hơn nữa vai trò của kế toán trong tình hình hiện nay. Về cơ bản hệ thống sổ sách của công ty được lập đầy đủ theo quy định, nếu trong tháng phát hiện ra sai sót thì vẫn có thể sửa chữa. Ngoài ra việc các sổ sách kế toán đều được ghi thường xuyên thuận tiện cho việc đối chiếu, kiểm tra giữa kế toán chi tiết và kế toán tổng hợp.

- Về công tác hạch toán vật liệu kế toán công ty đã tổ chức hạch toán vật liệu theo từng công trình, hạng mục công trình, trong từng tháng, từng quý rõ ràng. Một năm công ty hạch toán vào 4 quý, 3 tháng 1 quý được hạch toán một cách đơn giản, phục vụ tốt yêu cầu quản lý vật liệu.

- Về tổ chức kho bảo quản: nhằm đảm bảo không bị hao hụt, công ty cổ phần xây dựng Thủy lợi Hải Phòng có kho bảo quản riêng không phải đi thuê,

giúp cho giảm chi phí thuê kho bãi, và thuận tiện hơn trong quá trình hạch toán giúp cho việc kiểm tra quá trình thu mua, dự trữ và bảo quản, sử dụng dễ dàng hơn.

- Về hình thức tổ chức công tác kế toán tập trung: Sẽ tạo điều kiện để kiểm tra chỉ đạo nghiệp vụ và đảm bảo sự lãnh đạo tập trung thống nhất của kế toán trưởng cũng như sự chỉ đạo kịp thời của lãnh đạo doanh nghiệp đối với toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như công tác kế toán của doanh nghiệp. Ngoài ra, hình thức này còn thuận tiện trong việc phân công và chuyên môn hóa công việc đối với cán bộ kế toán cũng như việc trang bị các phương tiện, kỹ năng tính toán xử lý thông tin.

- Việc đánh giá thực tế vật liệu nhập, xuất kho có tác dụng thông qua giá thực tế của vật liệu biết được chi phí thực tế nguyên vật liệu trong sản xuất, phản ánh đầy đủ chi phí vật liệu trong giá thành sản phẩm, xác định đúng đắn chi phí đầu vào, biết được tình hình thực hiện định mức tiêu hao vật liệu. Thông qua đó biết được hao phí lao động quá khứ trong giá thành sản phẩm.

3.1.2. Hạn chế

Việc tổ chức công tác kế toán nói chung và kế toán vật liệu nói riêng tại công ty cổ phần xây dựng Thủy lợi Hải Phòng còn có một số hạn chế như:

- Việc tổ chức bộ máy quản lý gọn nhẹ là cần thiết nhưng mỗi công trình được công ty xây dựng phải đảm bảo cả tiến độ chứ không chỉ riêng chất lượng, tiến độ công nhanh, hạ giá thành, từng công trình hoàn thiện bàn giao có giá trị lớn, nhiều phát sinh, khi đó một kế toán vật liệu và thủ kho kiêm thủ quỹ là ít. Có thể trong cùng thời gian một đội, xí nghiệp thi công từ 1 đến vài công trình, địa bàn khác nhau. Do vậy bố trí gọn nhẹ này khá áp lực đối với kế toán vật liệu.

- Việc phân loại nguyên vật liệu ở công ty nhập trên máy k dùng sổ danh điểm vật liệu.

- Việc tổ chức tại kho ở tại các công trình còn lộn xộn do khối lượng công việc tương đối nhiều gây khó khăn một chút cho nhập xuất vật tư có thể khiến mất nhiều thời gian.

3.2. Một số ý kiến đề xuất nhằm góp phần hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu ở công ty cổ phần xây dựng Thủy lợi Hải Phòng.

Qua quá trình được học hỏi, tìm hiểu thực tế công tác kế toán nói chung và kế toán nguyên vật liệu nói riêng tại Công ty cổ phần xây dựng Thủy lợi Hải Phòng, em nhận thấy bên cạnh những ưu điểm mà công ty đã đạt được về công

tác kế toán nguyên vật liệu thì còn có một số nhược điểm nhỏ. Vậy nên em xin mạnh dạn đưa ra một số ý kiến mong muốn góp phần hoàn thiện hơn công tác kế toán nguyên vật liệu như sau:

3.2.1. Về việc phân loại và lập sổ danh điểm nguyên vật liệu

Công ty Cổ phần xây dựng Thủy lợi Hải Phòng là một công ty hoạt động trong lĩnh vực xây dựng nên khối lượng nguyên vật liệu sử dụng là rất lớn và đa dạng về chủng loại, kích cỡ. Hiện nay nguyên vật liệu của công ty được phân loại theo chức năng vai trò chứng đảm nhiệm trong quá trình sản xuất. Việc phân loại như vậy thì đơn giản nhưng chưa khoa học, chưa thể hiện được rõ đặc điểm công dụng của từng loại nguyên vật liệu. Theo em công ty có thể xây dựng một hệ thống danh điểm vật tư thống nhất toàn công ty và sử dụng "Sổ danh điểm vật tư".

Sổ danh điểm nguyên vật liệu là sổ danh mục tập hợp toàn bộ các nguyên vật liệu đã và đang sử dụng, được theo dõi theo từng loại, nhóm, quy cách vật liệu một cách chặt chẽ, logic. Hệ thống các danh điểm vật tư có thể được xác định theo nhiều cách thức khác nhau nhưng phải đảm bảo đơn giản, dễ nhớ, không trùng lặp. Mỗi loại mỗi nhóm vật liệu được quy định một mã riêng sắp xếp một cách trật tự, thuận tiện cho việc tìm kiếm khi cần thiết.

Xây dựng sổ danh điểm vật tư giúp cho việc quản lý từng loại vật tư tránh bị nhầm lẫn, thiếu sót và cũng giúp cho việc thống nhất giữa thủ kho và kế toán trong việc lập bảng kê, báo cáo nhập- xuất- tồn.

Để đảm bảo phản ánh đúng chức năng cũng như công dụng của từng loại nguyên vật liệu công ty nên sử dụng các tiêu khoản như sau trong quá trình hạch toán nguyên vật liệu:

TK 1521 - nguyên vật liệu chính (sắt, thép, xi măng, tôn, inox,...)

TK 1522 - nguyên vật liệu phụ (son, que hàn, bột đá, dung môi, giấy giáp,..)

TK 1523 - nhiên liệu (xăng, dầu hỏa, dầu diesel, điện,...)

TK 1524 - phụ tùng thay thế (gioăng, đinh vít, keo tram,...)

TK 1525 - phế liệu thu hồi (phôi lá thép, phụ tùng cũ hỏng, sắt inox vụn,...)

Việc mở thêm các tiêu khoản sẽ giúp cho việc quản lý theo dõi các loại nguyên vật liệu một cách khoa học và thuận tiện nhất, tránh gây tình trạng nhầm lẫn, sai sót đồng thời phản ánh đúng theo quy định của nhà nước.

Để lập sổ danh điểm vật tư điều quan trọng nhất phải là xây dựng được bộ mã vật liệu chính xác, đầy đủ, không trùng lặp, có dự trữ để bổ sung những mã vật liệu chưa có. Công ty có thể xây dựng bộ mã vật liệu dựa vào các đặc điểm sau:

- Dựa vào nhóm nguyên vật liệu;
- Dựa vào loại nguyên vật liệu trong mỗi nhóm;
- Dựa vào số thứ tự vật liệu có trong mỗi nhóm;
- Dựa vào quy cách vật liệu trong mỗi thứ;

Ví dụ:

TK 1521: Nhóm nguyên vật liệu chính

TK 1521-A: Xi măng

Trong đó:

TK 1521-A1: Xi măng FICO

TK 1521-A2: Xi măng Thăng Long

TK 1521-A3: Xi măng PCB 30

TK 1521-A4: Xi măng PCB 40

.....

TK1521-B: Gạch

Trong đó:

TK 1521-B1: Gạch Đồng Tâm 8080PLATIUM002

TK 1521-B2: Gạch Ceramic150x150

.....

TK 1522: Nhóm nguyên vật liệu phụ

TK 1522-A: Tre dóc

Trong đó:

TK 1522-A1: cọc tre 10 - 5m

TK 1522-A2: cọc tre 8 - 4m

TK 1523: Nhóm nhiên liệu

TK 1523-A: Xăng

TK 1523-B: Dầu diesel

TK 1524: Phụ tùng thay thế

TK 1525: Phế liệu thu hồi

Việc mở thêm các tiểu khoản sẽ giúp cho việc quản lý theo dõi các nguyên vật liệu một cách khoa học và thuận tiện hơn, tránh gây tình trạng nhầm lẫn, sai sót, đồng thời phản ánh đúng theo quy định, tạo điều kiện thuận lợi trong kiểm soát chi phí nguyên vật liệu trong giá thành sản phẩm trong các kỳ.

Để lập sổ danh điểm nguyên vật liệu điều quan trọng nhất là phải xây dựng được bộ mã vật liệu chính xác, đầy đủ, không trùng lặp, có dự trữ để bổ sung những mã vật liệu chưa có.

Sổ danh điểm nguyên vật liệu công ty có thể lập theo mẫu sau:

Biểu 3.1: Sổ danh điểm vật tư**SỔ DANH ĐIỂM VẬT TƯ**

Loại: nguyên vật liệu

Ký hiệu: 1521

Ký hiệu		Danh điểm vật tư	Tên nhãn hiệu, quy cách vật tư	ĐVT	Ghi chú
Nhóm	Loại				
TK 1521			Nguyên vật liệu chính		
	TK 1521-A		Xi măng	bao	
		TK 1521-A1	Xi măng FICO	bao	
		TK 1521-A2	Xi măng Thăng Long	bao	
		TK 1521-A3	Xi măng PCB 30	bao	
		TK 1521-A4	Xi măng PCB 40	bao	
	...				
	TK 1521-B		Gạch		
		TK 1521-B1	Gạch Đồng 8080PLATIUM002	hộp 3 viên	
		TK 1521-B2	Gạch Ceramic 150x150	hộp 5 viên	
	...				
TK 1522			Nguyên vật liệu phụ		
	TK 1522-A		Tre dóc		
		TK 1522-A1	cọc tre 10 - 5m	cọc	
		TK 1522-A2	cọc tre 10 - 5m	cọc	
	...				
TK 1523			Nhiên liệu		
	TK 1523-A		Xăng		
	TK 1523-B		Dầu diesel		
	...				
TK 1524			Phụ tùng thay thế		
	...				
TK 1525			Phế liệu thu hồi		
	...				

3.2.2. Công ty nên phát huy khả năng vận dụng các phương tiện kỹ thuật hiện đại vào công tác kế toán.

Khối lượng công việc kế toán tại công ty khá lớn nhưng công tác vẫn được thực hiện thủ công qua áp dụng qua Microft Office (Word, Power Point, Excel...)

Mặc dù vẫn có thể thực hiện tốt công tác kế toán nhưng phải tự thực hiện nhiều công đoạn mà phần mềm k hỗ trợ. Nếu công ty sử dụng các phần mềm kế toán được thiết lập sẵn thì khối lượng công việc sẽ giảm hơn, nhân viên không phải thao tác những cái mà phần mềm đã có sẵn giúp công việc dễ dàng hơn. Vậy nên công ty nên xem xét mua phần mềm kế toán phù hợp với tình hình của công ty. Hiện nay trên thị trường có khá nhiều các phần mềm kế toán như: phần mềm kế toán MISA, Fast Accounting, MetaData Accounting, Sasinnova,...

Ví dụ điển hình như hình thức kế toán của phần mềm Misa là một phần mềm áp dụng được với nhiều loại hình doanh nghiệp, được lựa chọn khá nhiều, dễ dàng sử dụng, có những ưu điểm vượt trội như:

- Tức thời nắm bắt tình hình tài chính kế toán mọi lúc mọi nơi, có thể kiểm soát qua mobile.

- Nhận hóa đơn điện tử và tự động hạch toán vào sổ sách, tiết kiệm 80% thời gian nhập liệu, đơn giản và gọn nhẹ thao tác thủ công.

- Tự động hóa việc lập báo cáo tài chính, tiết kiệm thời gian, báo cáo kịp thời, tránh sai sót, số liệu chính xác, tránh bị phạt không đáng có. Có thể tự động kiểm tra, đối chiếu sổ sách, báo cáo. Hướng dẫn cách thức xử lý sai, lệch theo quy định. Đáp ứng đầy đủ mẫu báo cáo và tự tổng hợp số liệu. Gợi ý những sai sót thường gặp trên báo cáo tài chính.

- Xuất hóa đơn điện tử ngay trên phần mềm kế toán.

- Giao dịch ngân hàng trực tuyến trên phần mềm kế toán. Tiết kiệm 80% đối chiếu sổ phụ.

3.2.3. Hoàn thiện về việc trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Để tránh được những tổn thất có thể xảy ra trong hoạt động sản xuất kinh doanh, đồng thời phản ánh đúng giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho của công ty khi lập báo cáo tài chính vào cuối kỳ kế toán thì công ty nên tiến hành trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là dự phòng là dự phòng phần giá trị dự kiến bị tổn thất sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh do giảm giá hàng tồn kho có thể xảy ra trong năm kế

hoạch. Đây sẽ là nguồn tài chính bù đắp những tổn thất có thể xảy ra khi sự thay đổi giá của nguyên vật liệu có sự biến động theo chiều hướng không có lợi cho công ty và đảm bảo cung cấp nguyên vật liệu kịp thời cho sản xuất kinh doanh diễn ra thường xuyên liên tục.

Các khoản dự phòng có vai trò quan trọng đối với doanh nghiệp và nó được thể hiện ở một số mặt khác nhau nhờ có khoản dự phòng giảm giá bằng cân đối kế hoạch của doanh nghiệp phản ánh chính xác hơn giá trị thực của tài sản. Dự phòng giảm giá được ghi nhận như một khoản chi phí làm giảm lợi nhuận phát sinh để tính toán chính xác hơn ra số lợi nhuận thực tế.

Doanh nghiệp có thể lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho nếu tại thời điểm lập báo cáo tài chính những hàng hóa có giá trị bán trên thị trường thấp hơn giá trị trên sổ kế toán, hàng hóa thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp.

Mức trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (theo thông tư 200/2014-BTC) tính theo công thức sau:

$$\text{Mức dự phòng giảm giá hàng tồn kho} = \frac{\text{Lượng vật tư, hàng hóa thực tế tồn kho tại thời điểm lập BCTC}}{\text{điểm lập BCTC}} \times \text{Chênh lệch giảm giá hàng tồn kho}$$

$$\text{Chênh lệch giảm giá hàng tồn kho} = \text{Giá gốc hàng tồn kho theo sổ kế toán} - \text{Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho}$$

Phải lập dự phòng cho những vật tư, hàng hóa tồn kho nếu thấy có những bằng chứng tin cậy có thể xảy ra trong tương lai.

Kế toán xác định số dự phòng giảm giá cần lập cho niên độ kế toán với điều kiện: không được lớn hơn số lợi nhuận thực tế của công ty.

Kế toán dự phòng giảm giá hàng tồn kho sử dụng tài khoản TK 229 “dự phòng tổn thất tài sản”. Tài khoản này dùng để phản ánh số hiện có và tình hình biến động tăng giảm các khoản dự phòng tổn thất tài sản.

Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản 229 – Dự phòng tổn thất tài sản

Bên nợ:

- Hoàn nhập chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã trích lập từ kỳ trước chưa sử dụng hết.
- Bù đắp giá trị khoản đầu tư vào đơn vị khác khi có quyết định dùng số dự phòng đã lập để bù đắp số tổn thất xảy ra

- Bù đắp phần giá trị đã được lập dự phòng của khoản nợ không thể thu hồi được phải xóa sổ.

Bên có:

- Trích lập các tài khoản dự phòng tổn thất tài sản tại thời điểm lập BCTC
Số dư bên có: Số dự phòng tổn thất tài sản hiện có cuối kỳ.

TK 229 – Dự phòng tổn thất tài sản có 4 TK cấp 2

TK 2291- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh: Tài khoản này phản ánh tình hình trích lập khoản dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh

TK 2292 – Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác: Tài khoản này phản ánh tình hình trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng do doanh nghiệp nhận vốn đầu tư bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn.

TK 2293 – Dự phòng phải thu khó đòi: Tài khoản phản ánh tình hình trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng các khoản phải thu và các khoản phải đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khó đòi.

TK 2294 – Dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Tài khoản này phản ánh tình hình trích lập và hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Phương pháp kế toán dự phòng giảm giá hàng tồn kho

a) Khi lập BCTC, nếu có số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập kỳ này lớn hơn số đã trích lập từ các kỳ trước, kế toán trích lập bổ sung phần chênh lệch ghi:

Nợ TK 632 – Giá vốn hàng bán

Có TK 229 – Dự phòng tổn thất tài sản (2294)

b) Khi lập BCTC, nếu số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập kỳ này nhỏ hơn số đã trích lập từ các kỳ trước, kế toán hàng nhập phần chênh lệch ghi:

Nợ TK 229 – Dự phòng tổn thất tài sản (2294)

Có TK 632 – Giá vốn hàng bán

c) Kế toán xử lý khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho đối với vật tư, hàng hóa bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng mất phẩm chất, hư hỏng không còn giá trị sử dụng ghi:

Nợ TK 229 – dự phòng tổn thất tài sản (số được bù đắp bằng dự phòng)

Nợ TK 632 – giá vốn hàng bán (nếu số tổn thất cao hơn số đã lập dự phòng)

Có các TK 152,153,155,156

d) Kế toán xử lý khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho trước khi doanh nghiệp 100% vốn nhà nước chuyển thành công ty cổ phần. Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho sau khi bù đắp tổn thất nếu được hạch toán tăng vốn nhà nước ghi:

Nợ TK 229 – dự phòng tổn thất tài sản (2294)

Có TK 411 – vốn đầu tư của chủ sở hữu

Biểu số 3.2: Bảng kê chi tiết dự phòng giảm giá hàng tồn kho tại Công ty.

Năm 2018

S T T	Tên mặt hàng	Đ V T	SL	Theo sổ kế toán		Theo giá thị trường		Số tiền dự phòng
				Đơn giá	Thành tiền	Đơn giá	Thành tiền	
1	2		3	4	5	6	7	8
1	Xi măng Thăng Long	bao	1045	82.500	86.212.500	78.700	82.241.500	3.971.000
2	Xi măng PCB 30	bao	496	69.800	34.620.800	65.000	32.240.000	2.380.800
3	Xi măng PCB 40	bao	870	71.750	62.422.500	65.700	57.159.000	5.263.500
4	Đá mi	khối	1000	195.000	195.000.000	187.000	187.000.000	8.000.000
5	Đá xanh biên hòa		1500	440.000	660.000.000	425.000	637.500.000	22.500.000
6	Cát đen	khối	1700	560.000	952.000.000	535.000	909.500.000	40.500.000
7	Cát vàng thô	khối	800	470.000	376.000.000	455.000	364.000.000	12.000.000
	...							
	Cộng				2.366.255.800		2.260.640.500	105.615.300

*) Kế toán định khoản

Nợ 632: 105.615.300

Có 2294: 105.615.300

*) Kế toán lập phiếu kế toán cho nghiệp vụ trên và ghi vào nhật ký chung, từ nhật ký chung ghi vào sổ cái TK 632. 229

KẾT LUẬN

Nguyên vật liệu là một trong ba yếu tố đầu vào quan trọng không thể thiếu được trong quá trình sản xuất thi công công trình, chi phí nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng lớn trong giá thành toàn bộ công trình. Nguyên liệu, vật liệu trong quá trình sản xuất kinh doanh có rất nhiều chủng loại, đa dạng phong phú. Hoạt động nhập xuất nguyên vật liệu diễn ra thường xuyên, giá cả của từng loại nguyên vật liệu cũng luôn luôn biến động. Vì vậy, nếu tổ chức tốt công tác kế toán nguyên vật liệu sẽ giúp tiết kiệm chi phí và hạ giá thành sản phẩm cho các doanh nghiệp sản xuất

Khóa luận đã nêu được những vấn đề sau

- Về lý luận, đề tài đã hệ thống được lý luận cơ bản về công tác kế toán nguyên vật liệu của công ty
 - Về thực tiễn, đề tài đã trình bày được khá chi tiết thực trạng công tác kế toán nguyên vật liệu
 - Về mặt giải pháp, đề tài đã đưa ra được một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty Cổ phần xây dựng Thủy lợi Hải Phòng.
- Về việc phân loại và lập sổ danh điểm nguyên vật liệu
 - Vận dụng phương tiện kỹ thuật hiện đại vào công tác kế toán nguyên vật liệu
 - Hoàn thiện việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Trong thời gian thực tập tại công ty, ban lãnh đạo cùng các cô chú, anh chị trong phòng kế toán đã tạo điều kiện thuận lợi cho em cũng như giúp đỡ và cung cấp tài liệu, số liệu kế toán cần thiết. Và đặc biệt là có sự hướng dẫn chỉ bảo của thạc sĩ Nguyễn Thị Mai Linh đã giúp em hoàn thành luận văn tốt nghiệp. Do thời gian có hạn và trình độ bản thân còn hạn chế nên bài viết của em không tránh khỏi những thiếu sót nhất định, em mong nhận được sự đóng góp, chỉ bảo từ công ty cùng giảng viên hướng dẫn và các bạn sinh viên để giúp bài luận văn được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!